

Câu Hỏi Quản lý nhà nước về kinh tế

Câu 1. Khái niệm và đặc trưng của kinh tế thị trường hãy dùng khái niệm và đặc trưng để đối chiếu với nền kinh tế nớc ta và cho biết nhận xét của mình về tính chất và trình độ thị trường của nền kinh tế đó

Câu 2: Các cách phân loại doanh nghiệp và các loại doanh nghiệp theo cách phân loại .

Câu3: Các chủ thể của nền KTTT ? Các chủ thể này tác động liên nhau thông qua những phản ứng gì?

Câu4: Chức năng nhiệm vụ của kinh tế đối ngoại . Liên hệ thực tiễn nớc ta để thấy rõ chức năng, nhiệm vụ đó.

Câu5: Ưu khuyết tật của kinh tế thị trường? nguồn gốc căn bản của các ưu khuyết tật đó là gì?

Câu6: Các cách tiếp cận doanh nghiệp và khái niệm về doanh nghiệp? Những quan niệm như thế về doanh nghiệp có tác dụng gì đối với mỗi người tiếp cận và nguyên cứu doanh nghiệp .

Câu7: Khái quát về phong cách quản lý về kinh tế, Sự vận dụng các phương thức trên trong thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế ở nớc ta trong thời kỳ đổi mới có gì khác biệt

Câu8: Nội dung định hướng XHCN cho nền kinh tế thị trường ở nớc ta xét về mục tiêu cuối cùng? Trên thực tế nền kinh tế thị trường nớc ta hiện nay có theo đúng định hướng đó không? Chứng minh

Câu9: Phương thức kích thích trong quản lý nhà nước về kinh tế? Vì sao để quản lý kinh tế thị trường cần tăng cường phương thức kích thích? Thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế của nớc ta có như vậy không .

Câu 10 Phân tích ý nghĩa, tác dụng của các định hướng xây dựng thực thể nền kinh tế thị trường của nớc ta đối với việc bảo đảm mục tiêu cuối cùng. Trên thực tế, nền kinh tế thị trường của nớc ta hiện nay có theo đúng định hướng đó không? Chứng minh .(xem câu 8)

Câu 11: Sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước về kinh tế .

Câu12: Nêu khái quát những việc mà nhà nước phải làm để chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường? Liên hệ thực tiễn nớc ta, cho nhận xét

Câu13: Đối tượng, phạm vi của quản lý nhà nước về kinh tế ? Vì sao nhà nước cần phải quản lý các đối tượng, phạm vi đó của hoạt động kinh tế? Nhà nước ta đã quán xuyến các đối tượng và phạm vi đó trong hoạt động quản lý của mình chưa?

Câu14: Chức năng của quản lý nhà nước về kinh tế? Nhận xét việc thực hiện các chức năng này của nhà nước ta.

Câu15: Khái niệm về cơ sở kinh tế, và cơ chế quản lý kinh tế? Đối với nhà quản lý kinh tế nhận thức về cơ chế kinh tế có tác dụng gì đối với công tác quản lý.

Câu16: Các biểu hiện của một cơ chế quản lý

Câu17: Trong điều kiện nào Đảng và nhà nước ta quyết định chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường

Câu18: Phong thức công chế trong quản lý nhà nước về kinh tế? Vì sao để quản lý nền kinh tế thị trường cần tăng cường phong thức công chế. Thực tiễn và chứng minh?

Câu19: Nội dung định hướng XHCN cho nền kinh tế thị trường ở nước ta xét về mặt thực thể nền kinh tế

Câu20: Khái niệm công cụ quản lý nhà nước về kinh tế ? các loại công cụ chủ yếu trong quản lý nhà nước về kinh tế?

Câu21: Cơ sở khoa học và (nguyên tắc) phong thức thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong các tổ chức và quản lý nhà nước về kinh tế? nhận định việc thực hiện nguyên tắc này của nhà nước ta.

Câu 22: sự khác nhau giữa quản lý NN về kinh tế, quản trị kinh doanh của doanh nhân? vì sao nhà nước không trực tiếp SX kinh doanh?

Câu23: Cơ sở khoa học và phong hướng thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành, theo lãnh thổ? nhận định việc thực hiện nguyên tắc này.

Câu 24. Từ khuyết tật của kinh tế thị trường có thể thấy được điều gì về đối tượng. Phạm vi quản lý nhà nước đối với nền kinh tế thị trường? Nhà nước ta có ngăn ngừa, khắc phục các khuyết tật của nền kinh tế thị trường qua các hoạt động cụ thể nào?

Câu25: điều kiện ra đời của KTTT ? những điều kiện này ở nước ta nh thế nào? nó ảnh hưởng nh thế nào đối với sự ra đời và phát triển của nền KTTT nước ta

Câu 26. Mục đích, tác dụng của sự phân loại doanh nghiệp theo hình thức sở hữu?

Câu 27 Sự cần thiết phải có DNNN? liên hệ thực tiễn và cho biết các DNNN ta có cần thiết nh thế không?

Câu 28: vai trò, chức năng của DNNN? đánh giá khái quát vai trò của DNNN ở nước ta hiện nay

Câu 29 . nguyên nhân có tính phổ biến của sự đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở mọi quốc gia ? nguyên nhân riêng có ở nước ta

Câu 30. Tục chất của nội dung đổi mới DNNN ? nhà nước ta đang đổi mới gì ở DNNN?

Câu 31. Các loại công ty cổ phần nhà nước ? vai trò của mỗi loại ? các công ty cổ phần nhà nước ở nước ta đã thực hiện vai trò đó như thế nào ?

Câu 32 Các mặt hoạt động của doanh nghiệp cần có sự quản lý của nhà nước? Tại sao? Nhà nước ta đã quán xuyến các mặt hoạt động của doanh nghiệp trong hoạt động quản lý của mình chưa? chứng minh!

Câu 33 Sự khác nhau căn bản giữa quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp với quản trị kinh doanh tại doanh nghiệp của doanh nhân?

Câu 34 Nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

Câu35: Sự cần thiết của QLNN với DNNN.

Câu 36 Chức năng của quản lý nhà nước đối với DNNN? Liên hệ thực tiễn và cho biết. Nhà nước ta đã thực hiện chức năng này như thế nào?

Câu 37 Nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước? Liên hệ thực tiễn quản lý của nhà nước ta. Cho biết những mặt hạn chế!

Câu38 nội dung quản lý NN đối với DNNN? Trong quản lý nhà nước đối với DNNN hiện nay nhà nước ta đang tập trung giải quyết vấn đề gì? hướng giải quyết của nhà nước ra sao?

Câu 39: Sự cần thiết của kinh tế đối ngoại (KTĐN) với mọi quốc gia. Liên hệ thực tiễn nước ta để minh họa.

Câu 40 .Khái niệm và thực chất của cơ chế thị trường? cho một ví dụ thể hiện được sự điều tiết của thị trường đối với nội dung sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

Câu 41. Khái quát các hình thức KTĐN? vai trò chức năng, tác dụng đặc thù của mỗi loại hình đó?

Câu 42: Lý do đặc thù khiến nước ta phát triển quan hệ quốc tế về kinh tế từ đó cho biết ở nước ta hình thức KTĐN nào là quan trọng nhất.?

Câu 43: Các hình thức xuất nhập khẩu t bản

Câu 44: Vai trò tác dụng và u nhọc điểm của ODA và FDI.

Câu 45: Các hình thức cụ thể của FDI, vai trò tác dụng của mỗi loại, nước ta cần hình thức nào tại sao?

Câu 46: Những nhân tố ảnh hưởng đến việc mở rộng quan hệ xuất nhập khẩu t bản của mỗi nước ở nước ta, nhân tố nào là quan trọng nhất, tại sao?

Câu 47: Các hình thức xuất nhập khẩu tri thức trí tuệ.

Câu 48 Vai trò, tác dụng của loại hình công ty liên doanh giữa vốn nhà nước với vốn của các nhà đầu tư nước ngoài? Nhà nước cần làm gì để khai thác tốt ngoại lực tại các công ty này?

Câu 49: Vai trò, tác dụng của mỗi hình thức XNK trí tuệ ở nước ta hình thức nào đang thịnh hành, tại sao nên phát triển hình thức nào nữa? tại sao.

Câu 50: Đối tượng, phạm vi quản lý Nhà nước đối với hoạt động XNK hàng hoá ? vì sao cần quản lý các mặt đó? Nhà nước ta đã quán xuyên các mặt đó trong hoạt động quản lý của mình nh thế nào?

Câu 51 Nội dung cơ bản của QLNN đối với hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá?

Câu 52 Những biện pháp để mở rộng xuất nhập khẩu? Liên hệ thực tiễn và cho nhận xét

Câu 53: Đối tượng, phạm vi, quản lý Nhà nước đối với hoạt động XNK tư bản? Vì sao Nhà nước cần quản lý các mặt đó? Nhà nước ta đã quán xuyên các mặt đó trong hoạt động quản lý của mình nh thế nào?(xem câu 53.54)

Câu 54: Đối tượng, phạm vi, quản lý Nhà nước đối với hoạt động XNK trí tuệ? Vì sao Nhà nước cần quản lý các mặt đó? Nhà nước ta đã quán xuyên các mặt đó trong hoạt động quản lý của mình nh thế nào? (xem câu 53.54)

Câu 55 Nội dung kết cấu hạ tầng kinh tế đối ngoại? Vai trò, tác dụng của kết cấu hạ tầng kinh tế đối ngoại trong việc thu hút ngoại lực?

Câu 56: Khái niệm về đa phương hoá và đa dạng hoá trong phát triển quan hệ quốc tế ?

Câu 57 Vì sao phải đa phương hoá, đa dạng hoá QHQT ? So với trước đổi mới thực tiễn QHKTQT của nước ta đã đa phương hóa đa dạng hoá như thế nào?(xem 56.57)

Câu 58 Thế nào là hợp tác quốc tế về kinh tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng về lợi ích giữa các bên tham gia quan hệ? Sự cần thiết phải quán triệt nguyên tắc đó?

Câu 59 Những vấn đề cụ thể trong quan hệ quốc tế về kinh tế khi xử lý cần phải quán triệt nguyên tắc “tôn trọng độc lập, chủ quyền, sự toàn vẹn lãnh thổ, bình đẳng về lợi ích giữa các bên tham gia quan hệ”?

Câu 60 khái niệm nội lực trong kinh tế đối ngoại?

Câu 61 Sự cần thiết phải phát huy nội lực trong quan hệ kinh tế đối ngoại? Vai trò sứ mạng của nội lực trong kinh tế đối ngoại?

Câu 62 Để phát huy nội lực, trong quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại cần phải đặt ra và giải quyết những vấn đề gì? ý nghĩa của các vấn đề đó?

Câu 63: Khái niệm về dự án đầu tư, các loại dự án đầu tư

Câu 64: Các bộ phận cấu thành dự án đầu tư và vai trò, công dụng của chúng.

Câu 65: Sự cần thiết của quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư không của Nhà nước, liên hệ thực tiễn để minh hoạ

Câu 66 . Phân tích mục tiêu của quản lý Nhà nước đối với dự án đầu tư không của Nhà nước?

Câu 67 phong hống, biện pháp để đạt được mục đích đó trong quản lý ?

Câu 68 .Sự cần thiết của quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư bằng vốn Nhà nước, sự cần thiết này thể hiện ở nước ta như thế nào?

Câu 69 Mục tiêu của quản lý nhà nước đối với dự án đầu tư của nhà nước?

Câu 70: Phương hướng biện pháp để nhà nước đạt được mục đích đó trong quản lý dự án đầu tư của nhà nước?

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT :

Câu 1.Khái niệm và đặc trng của kinh tế thị trường hãy dùng khái niệm và đặc trng để đối chiếu với nền kinh tế nớc ta và cho biết nhận xét của mình về tính chất và trình độ thị trường của nền kinh tế đó

#Khái niệm kinh tế thị trường: là quá trình lưu thông vật chất từ sản xuất đến sản xuất, và từ sản xuất đến tiêu dùng phải được thực hiện chủ yếu bằng phương thức mua bán.

hay: kinh tế thị trường là nền kinh tế trong đó các vấn đề cơ bản là sản xuất cái gì, như thế nào, cho ai, được quyết định thông qua thị trường, các quan hệ kinh tế được thực hiện chủ yếu qua phương thức mua bán .

#Đặc trưng của kinh tế thị trường :

+Quá trình lưu thông vật chất được thực hiện chủ yếu bằng phương thức mua bán với phạm vi ngày càng mở rộng từ quốc gia đến khu vực và trên thế giới. Trong đó sự lưu thông này gồm: Lưu thông vật chất trong kinh tế là sự chuyển định kết quả sản xuất từ khâu này đến khâu khác của quá trình tái mở rộng sản xuất của xã hội .

Sự lưu thông vật chất có thể được thực hiện bằng nhiều phương tiện chu chuyển nội bộ, chu chuyển qua thương mại ...và sự chu chuyển ngày càng mở rộng và khắp thế giới:

+Người trao đổi hàng hoá phải có quyền tự do nhất định khi tham gia trao đổi trên thị trường. Họ có quyền tự do lựa chọn nội dung trao đổi, tự do lựa chọn đối tác, tự do thoả thuận giá cả trong quy định của pháp luật .

+Hoạt động mua bán phải được thực hiện thường xuyên, ổn định trên cơ sở kết cấu hạ tầng tối thiểu từ để việc mua bán điều ra thuận lợi an toàn

nền kinh tế thị trường hiện đại bao gồm những doanh nhân biết thống nhất mục tiêu chính trị xã hội và nhân văn

+nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước , đây là đặc trưng mới xuất hiện trong nền kinh tế hiện đại , vì nhà nước là nhân tố để đảm bảo cho các đặc trưng trên

#Đối chiếu và nhận xét : Dựa vào khái niệm và đặc trưng của nền kinh tế thị trường ta có thể thấy nền kinh tế thị trường hiện nay mang các đặc trưng vốn có của KTTT ,nhưng do điều kiện của nước ta thì nó cũng có sự khác biệt như quá trình lưu thông vật chất chưa diễn ra mạnh, còn hở hẹp. hệ thống kết cấu hạ tầng của nước ta hiện nay còn chưa đáp ứng được yêu cầu khách quan của sự phát triển kinh tế . nền KTTT của nước ta hiện nay chưa thống nhất cao được các mục đích chính trị , xã hội và nhân văn KT chưa góp được nhiều và giải quyết các vấn đề xã hội mà ngược lại còn gây ra nhiều khuyết tật.

-nền kt thị trường ở nước ta hiện nay có tính chất là 1 nền KTTT phats triển theo định hướng XHCN có sự quản lý của nhà nước .

Về trình độ của kinh tế này thì đây mới chỉ là giai đoạn đầu của nền KTTT thực sự nó mới là quá trình xây dựng cơ sở hạ tầng của nền KT, là bước đệm cho các bước phát triển về sau.

Câu 2: Các cách phân loại doanh nghiệp và các loại doanh nghiệp theo cách phân loại .

#Cách phân loại doanh nghiệp và các loại doanh nghiệp .

-Căn cứ vào sự có mặt của vốn nhà nước trong doanh nghiệp, có:

+Doanh nghiệp nhà nước có 100%vốn nhà nước .

+doanh nghiệp không của nhà nước, nhà nước không có vốn .

+Doanh cổ phần nhà nước, trong đó nhà nước có cổ phần.

-Căn cứ vào vai trò, vị trí của vốn nhà nước trong doanh nghiệp, doanh nghiệp cổ phần nhà nước có:

+Công ty cổ phần nhà nước chi phối hoặc đặc biệt.

+Công ty cổ phần nhà nước thông thường.

-Căn cứ vào trình độ xã hội hoá về tư liệu sản xuất có:

+Doanh nghiệp tư nhân.

+Doanh nghiệp tập thể (có hợp tác xã, công ty).

+Doanh nghiệp nhà nước .

-Căn cứ vào cơ cấu chủ sở hữu và vốn của doanh nghiệp có:

+DN đơn chủ (là chỉ có một chủ)

+DN đa chủ

-Căn cứ vào cái đặc trưng KT , kỹ thuật , tổ chức sản xuất kinh doanh có:

+Theo quy mô DN có DN lớn , nhỏ

+Theo mức độ chuyên môn hoá , có DN chuyên môn hoá , có DN kinh doanh tổng hợp

+Theo nội dung sản xuất kinh doanh thì có DN công nghiệp nông nghiệp thương mại , giao thông vận tải

+Theo vị trí của doanh nghiệp theo quá trình chế tác sản phẩm , có DN khai thác , DN chế biến

-Căn cứ vào mức độ độc lập về pháp lý của DN có:

+DN nước ngoài

+DN của nhà nước

+DN có vốn đầu tư nước ngoài

-Căn cứ vào tính xã hội của sản phẩm sản xuất ra gồm

+DN sản xuất hàng công cộng gồm công cộng thuần lý và không thuần lý

+DN sản xuất hàng hoá cá nhân

-Căn cứ vào mục tiêu và nhiệm vụ chính của doanh nghiệp có:

+DN hoạt động kinh doanh

+DN hoạt động công ích

-Căn cứ vào hình thức tổ chức quản lý có:

+DN có hội đồng quản trị

+DN không có hội đồng quản trị

-Căn cứ vào mức độ trách nhiệm tài chính có:

+Các đơn vị sản xuất kinh doanh trách nhiệm hữu hạn

+Các đơn vị sản xuất kinh doanh trách nhiệm vô hạn .

Câu3: Các chủ thể của nền KTTT ? Các chủ thể này tác động liên nhau thông qua những phản ứng gì?

#Các chủ thể của nền KTTT.

#Các doanh nhân - đây là chủ thể cơ bản của thị trường nên xét theo lượng hàng hoá mà họ trao đổi với nhau, còn nên xét theo số lượng chủ thể thì doanh nhân cũng là con số đáng kể, chỉ đứng sau số lượng hộ tiêu dùng.

+Hộ tiêu dùng : là các chủ thể tiêu dùng các vật phẩm phục vụ sinh hoạt của con người ... hộ tiêu dùng thì có cá nhân, hay đại diện cho cả hộ.

+Chính phủ: Chính phủ trong cơ cấu thị trường được hiểu là người đại diện cho tiêu dùng công cộng của quốc gia, đây là tiêu dùng chung cho cả xã hội, như tiêu dùng cho quốc phòng, an ninh, văn hoá khoa học, môi trường.

#Các phản ứng là:

-Các chủ thể hoạt động KT chịu sự tác động của thị trường, thực chất là chịu sự tác động của các chủ thể khác qua các phản ứng cụ thể nhất định đó là phản ứng tăng giảm giá, tăng giảm cung, cầu .

.Tăng giảm giá cả: là phản ánh thái độ của người sản xuất tăng sản xuất và kết quả cuối cùng giá lại trở về trạng thái cân bằng.

.Cung là phản ứng của người sản xuất, thông qua cung thì người sản xuất tác dụng vào người sản xuất khác và người tiêu dùng. Những người sản xuất tác động lên nhau qua cung của bản thân họ đó là dùng cung tốt phủ định một cung xấu. Tác động vào thị trường qua phản ứng cung còn là tác động của chính người tiêu dùng khi họ là nguồn nhân lực của các DN đó là yêu cầu về tiêu lương, điều kiện lao động,

.Cầu cũng là 1 biểu hiện tương tự, người tiêu dùng phản ứng người sản xuất hàng giảm cầu khi cung tỏ ra không nhất quán về chất lượng, giá cả, hảo hành .

Tất cả những tác động trên của các chủ thể kinh tế trong KTTT gọi là cơ thể thị trường.

Câu4: Chức năng nhiệm vụ của kinh tế đối ngoại . Liên hệ thực tiễn nước ta để thấy rõ chức năng, nhiệm vụ đó.

#Chức năng, nhiệm vụ của KTĐN.

-Chức năng chung: Hỗ trợ các quốc gia khai thác có hiệu quả lợi thế như:

+Sự dư thừa về sản lượng và phong phú chủng loại và tài nguyên.

+Sự thuận lợi về địa thế thương mại, giao thông .

+Sự thuận lợi về không gian mặt bằng.

+Sự thuận lợi về khí hậu, nhiệt độ, chế độ thủy văn.

Mặt khác KTĐN có chức năng khác phục sự dư thừa và thiếu hụt trên, giúp cho mỗi quốc gia yên tâm chuyên sâu vào sản xuất lợi thế .

Hỗ trợ các quốc gia thực hiện các ý đồ tối ưu hoá tổ chức sản xuất .

Hỗ trợ các quốc gia giải quyết các khó khăn, thiếu hụt về điều kiện pháp triển KT, đó là các khó khăn về vốn, lao động, địa điểm sản xuất

Giúp các quốc gia có điều kiện tiếp xúc nhanh nhạy sinh động mọi thành tựu văn minh, văn hoá của nhân loại, có điều kiện hiểu biết lẫn nhau, tạo điều kiện củng cố, hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc.

Thông qua giao lưu hàng hoá, trao đổi chuyên gia, học sinh, sinh viên, nhân dân cả nước có điều kiện hiểu biết truyền thống văn hoá tốt đẹp của nhau

*Chức năng nhiệm vụ của kinh tế đối ngoại ở nước ta.

-Tạo vốn và giải quyết việc làm: Đây là vấn đề lớn và nan giải của nước ta, tình hình thiếu làm đã chi phối thu nhập và tiêu dùng của nước ta, từ đời sống và thu nhập thấp đã nảy sinh nhiều vấn đề xã hội, vì vậy giải quyết việc làm là cần thiết, vì vậy 1 trong những nhiệm vụ hàng đầu của kinh tế đối ngoại là tạo nguồn vốn để phát triển kinh tế và tạo việc làm.

-Góp phần đổi mới cơ cấu kinh tế: Đó là chuyển đổi nền kinh tế thuần nông sang nền kinh tế công nghiệp hiện đại, để làm được phải có sự hỗ trợ của kinh tế đối ngoại.

-Tận khai mọi nguồn nội lực để làm cho nước giàu, dân mạnh: nước ta có nhiều nguồn lực nhưng lại nhỏ lẻ và khó khăn khai thác nếu không có công nghệ, khoa học hiện đại, không có vốn lớn, do đó nhiệm vụ của kinh tế đối ngoại là phải làm cho tiềm năng đất nước phát huy hết năng lực.

Câu 5: ưu khuyết tật của kinh tế thị trường? nguồn gốc căn bản của các ưu khuyết tật đó là gì?

*ưu điểm:

-Do nền kinh tế thị trường có các chủ thể kinh doanh tư hữu nên người sản xuất kinh doanh có động lực trực tiếp là kết quả sản xuất kinh doanh mà họ nhận được, kết quả này tùy thuộc vào sự nỗ lực hoạt động của họ

-Do kết quả của người sản xuất kinh doanh tùy thuộc sự nỗ lực của họ nên họ năng động sáng tạo, quyết tâm cao trong việc giành được kết quả đó.

-Nhờ năng động sáng tạo mà các doanh nhân giải quyết tốt các vấn đề cơ bản của sản xuất kinh doanh.

-Cuối cùng do tất cả những nỗ lực trên của người sản xuất kinh doanh, người tiêu dùng được áp dụng nhiều, nhanh, tốt, rẻ, văn minh....

*Những khuyết tật của kinh tế thị trường:

-Do tư lợi mà 1 bộ phận không nhỏ người sản xuất kinh doanh sinh ra tính ích kỷ hại nhân.

-Kinh tế thị trường làm cho con người bằng quang trước mọi bất hạnh của đồng loại và đến mức cao hơn là làm hại đồng loại 1 cách cố ý, hoặc vô thức.

-Các khuyết tật này biểu hiện ở sự bóc lột sức lao động 1 cách quá mức, cạnh tranh không lành mạnh, dẫn đến tiêu diệt lẫn nhau, trộm cắp tài nguyên, gian lận thương mại, lừa dối khách hàng, huỷ hoại tài nguyên, không làm tròn nghĩa vụ với nhà nước .

-Còn ở nước ta trong điều kiện kinh tế thị trường hiện nay còn đang giai đoạn thấp lại có hệ thống pháp luật chưa hoàn chỉnh nên các tác động xấu của kinh tế thị trường còn rất nhiều, như buôn lậu, gian lận, các luồng văn hoá độc hại xâm

nhập vào nước ta, văn hoá truyền thống mai 1, lối sống đạo đức xuống cấp, tình trạng tội phạm gia tăng...

*Nguồn gốc: của cả ưu điểm và khuyết tật của kinh tế thị trường là:

-Chế độ tư hữu tạo ra ưu điểm của kinh tế thị trường chế độ này tạo ra sự năng động sáng tạo, và lợi nhuận làm cho kinh tế thị trường phát triển mạnh.

-Còn tính tư lợi là nguồn gốc của khuyết tật nền kinh tế thị trường, do tư lợi mà người ta bất chấp tất cả, đạo đức, lương tâm để nhằm tư lợi và từ đó gây ra mặt trái của thị trường .

Câu 6: Các cách tiếp cận doanh nghiệp và khái niệm về doanh nghiệp? Những quan niệm như thế về doanh nghiệp có tác dụng gì đối với mỗi người tiếp cận và nguyên cứu doanh nghiệp .

*Các tiếp cận và các khái niệm

-Tiếp cận trên giác độ kỹ thuật- tổ chức sản xuất, thì doanh nghiệp là 1 tổng hợp tối ưu của lực lượng sản xuất, có khả năng hoàn thành dứt điểm 1 công việc, 1 giai đoạn công nghệ, chế tạo 1 loại sản phẩm hoặc 1 loại bộ phận tương đối độc lập của sản phẩm có cấu tạo phức hợp.

-Các bộ phận lực lượng sản xuất xã hội kể trên được gọi là doanh nghiệp khi chúng đạt đến 1 quy mô nhất định được bằng các dấu hiệu như đủ mức tạo ra được 1 sản phẩm hoàn hảo, hoặc 1 phần nào đó của sản phẩm và các yếu tố tạo thành lực lượng sản xuất phải được tận dụng tối đa.

Điều đó có nghĩa là không thể ấn định tùy tiện quy mô và cơ cấu doanh nghiệp , và nhà nước đã quy định quy mô ra đời của doanh nghiệp qua vốn pháp định .

+Tiếp cận trên giác độ thương trường: thì doanh nghiệp là đơn vị sản xuất hàng hoá, đơn vị sản xuất kinh doanh, là phương tiện sản xuất kinh doanh của doanh nhân, là nơi sản xuất hàng hoá và dịch vụ của doanh nhân, trong đó doanh nhân là người sản xuất và trao đổi hàng hoá, người đại diện thương mại của doanh nghiệp

-Trong cách tiếp cận này, thì 1 doanh nghiệp chỉ có người đại diện thương mại, và chỉ có doanh dân mới là người đại diện của doanh nghiệp .

+Tiếp cận trên giác độ pháp lý: thì doanh nghiệp là 1 pháp nhân kinh tế có đủ các dấu hiệu sau đây: có tài sản (trong các trường hợp phải đạt được mức pháp định), có tên gọi được đăng ký với cơ quan nhà nước, có doanh số được công bố, có người đại diện pháp lý

Qua sự phân tích trên, ta thấy việc định nghĩa về doanh nghiệp là 1 việc làm tương đối.

-Qua cách tiếp cận khác nhau thì có các tác dụng khác nhau, như cách tiếp cận thứ nhất có ý nghĩa khi nguyên cứu về quy mô doanh nghiệp và cơ cấu sản xuất trong nội bộ doanh nghiệp, có tác dụng nguyên cứu kỹ các yếu tố cấu thành sản

xuất. Còn cách tiếp cận thứ 2 lại có ý nghĩa thương mại, và người đại diện thương mại khi lưu thông hàng hoá trên thương trường. Còn cách tiếp cận cuối cùng thì có ý nghĩa pháp lý đối với doanh nghiệp, qua cách này nhà nước sẽ có các biện pháp phân chia doanh nghiệp cụ thể.

Câu 7: Khái quát về phương thức quản lý về kinh tế, Sự vận dụng các phương thức trên trong thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế ở nước ta trong thời kỳ đổi mới có gì khác trước .

***Khái quát các phương thức quản lý về kinh tế:**

-Phương thức quản lý là tổng thể các phương pháp, biện pháp quản lý thống nhất với nhau theo 1 nguyên tắc chung nào đó. Bao gồm các phương thức sau:

+Phương thức cưỡng chế, thực chất của phương thức này dùng sự thiệt hại làm áp lực để buộc đối tượng phải tuân theo sự quản lý của nhà nước.

Phương thức cưỡng chế được dùng khi cần điều chỉnh các hành vi mà hiệu quả gây ra thiệt hại lợi ích chung, lợi ích nhà nước.

-Thiệt hại dùng làm lực lượng cưỡng chế gồm: thiệt hại vật chất do bị đình chỉ sản xuất, nộp phạt...thiệt hại về thân thể như sự đi tù, danh dự do bị cảnh cáo...

+phương thức kích thích, bản chất của phương thức này là dùng lợi ích làm động lực để quản lý đối tượng.

-Phương thức này được dùng khi cần điều chỉnh các hành vi không có nguy cơ xấu cho cộng đồng, hoặc chưa đủ điều kiện để áp dụng cưỡng chế.

-Phương thức kích thích của nhà nước là lợi ích vật chất và danh giá. Để thực hiện được biện pháp này thì nhà nước lại sử dụng 1 số công cụ như thuế, lãi xuất tín dụng, giá cả để gián tiếp tác động vào đối tượng quản lý.

+Phương thức thuyết phục, thực chất của phương thức này là tạo ra sự giác ngộ trong đối tượng quản lý, để họ tự thân vận động theo sự quản lý .

-Nội dung của phương thức này bao gồm: nguyên lý kinh tế, đạo lý làm giàu, pháp luật kinh tế, định hướng chiến lược, kế hoạch của nhà nước...

-Phương thức này cần áp dụng mọi lúc mọi nơi, mọi đối tượng, vì đây là biện pháp nội lực, tự thân vận động

Mỗi phương thức đều có ưu thế mạnh của mình, nhưng cũng có các nhược điểm, hạn chế của nó, do đó không thể áp dụng 1 mà phải kết hợp các phương thức với nhau mới tạo nên hiệu quả.

***Vận dụng vào thực tế nước ta:** Nước ta đang bước vào thời kỳ đổi mới về kinh tế, nên đối tượng quản lý nhà nước về kinh tế rất đa dạng và khác nhau, nên việc áp dụng các phương thức kia không có gì khác biệt mấy chủ thể khác là việc áp dụng từng biện pháp, từng mức độ đối với các đối tượng như thế nào, thì phải cụ thể và phù hợp với điều kiện thực tế của nước ta. Phương thức giáo dục được nhà

nước ta dùng nhiều hơn cả do tác dụng nội tại của nó, nhưng nhà nước ta cũng kết hợp hết sức nhuần nhuyễn và phù hợp cả 3 biện pháp.

Câu9: Phương thức kích thích trong quản lý nhà nước về kinh tế? Vì sao để quản lý kinh tế thị trường cần tăng cường phương thức kích thích? Thực tiễn quản lý nhà nước về kinh tế của nước ta có như vậy không .

*Phương thức kích thích: Bản chất của kích thích là dùng lợi ích làm động lực để khiến đối tượng vì muốn có lợi mà tuân theo mục tiêu quản lý do nhà nước đề ra .

-Phương thức này được dùng khi cần điều chỉnh các hành vi không có nguy cơ gây hiệu quả xấu cho cộng đồng, cho nhà nước hoặc chưa đủ điều kiện để áp dụng phương thức cưỡng chế .

-Trên thực tế có rất nhiều hành vi tuy không gây thiệt hại cho cộng đồng và nhà nước, nhưng vẫn phải kích thích nhằm cho cải thiện đời sống nhân dân.

-Phương thức kích thích của nhà nước là lợi ích vật chất và danh giá. Bởi vì danh giá suy cho cùng cũng là vật chất, mà danh giá là điều kiện để có lợi nhuận cao, còn lợi ích vật chất cũng là lợi nhuận mà lợi nhuận này được nhà nước gián tiếp trao cho bằng các tác động như: Thuế như được khuyến khích hay hạn chế hoạt động của doanh nhân nhà nước có thể tăng hoặc giảm hay miễn thuế .

+Tác động bằng lãi xuất tín dụng: là do nhà nước nắm trong tay các ngân hàng quốc doanh, có thể điều chỉnh lãi xuất nên nhà nước có thể tác động mọi nguồn vốn kinh doanh.

+Tác động bằng giá cả: thông qua các kế hoạch mua bán hàng của nhà nước .

Chính vì các lý do trên mà giá cả, lãi xuất, thuế được gọi là các công cụ quản lý nhà nước

*Quản lý nhà nước cần tăng cường phương thức kích thích : đây là 1 phương thức hết sức quan trọng và ôn hoà nó có thể làm được các việc mà phương pháp cưỡng chế và thuyết phục không làm được hay nói cách khác nó dung hoà được nhược điểm của 2 phương pháp trên mà lại tạo ra được hiệu quả kinh tế cao, và kích thích kinh tế phát triển đồng đều theo ý của nhà nước, và phương thức này sẽ tác động nhanh do động lực do động lực của nó là lợi ích kinh tế.

*Trong thực tiễn nền kinh tế nước ta đã đang và sử dụng rất nhiều các phương pháp kích thích, do đây là 1 phương pháp có hiệu quả, như chúng ta hỗ trợ về vốn, kỹ thuật, ưu đãi thuế cho các ngành kém phát triển hay lợi nhuận thấp, hay các vùng sâu xa, hải đảo, để cho các doanh nhân sẵn sàng đầu tư vào những khu vực này, hoặc bằng lãi xuất tín dụng thấp chúng ta đã giúp người nông dân phát triển tốt nông nghiệp. Như vậy hiện nay nền kinh tế nước ta được sử dụng rất nhiều phương pháp kích thích, nhưng bên cạnh đó 2 phương pháp kia cũng được dùng để hỗ trợ cho phương pháp này nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

Câu 8: Nội dung định hướng XHCN cho nền kinh tế nước ta xét về mục tiêu cuối cùng? Trên thực tế nền kinh tế thị trường nước ta hiện nay có theo đúng định hướng đó không? Chứng minh. (câu 10) Phân tích ý nghĩa, tác dụng của các định hướng xây dựng thực thể nền kinh tế thị trường của nước ta.

***Nội dung định hướng:**

-Về mục tiêu: mục tiêu của nền kinh tế là những giá trị mà nó phải tạo ra, lợi ích mà nó nhằm vào, tính XHCN của mục tiêu do Đảng cộng sản đề ra là:

+Phải làm cho dân giàu, mà mục tiêu chính là mức bình quân GDP đầu người tăng nhanh trong thời gian ngắn, và khoảng cách giàu nghèo trong xã hội ta không lớn, phải tăng GDP thì mới có ấm no hạnh phúc nhưng GDP cao, nhưng chưa đủ để có ấm no, mà độ chênh lệch giàu nghèo.

+Phải làm cho nước mạnh: thể hiện ở mức đóng góp to lớn của các doanh nhân trong nền kinh tế cho ngân sách nhà nước, thể hiện ở việc có nhiều ngành mũi nhọn, để tạo uy thế của quốc gia, ở việc sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn tài nguyên quốc gia, ở việc bảo vệ môi sinh vì môi sinh có liên quan đến sức khỏe của con người, là nguồn lực quan trọng của đất nước.

Bên cạnh đó còn thể hiện ở việc các bí mật quốc gia về tiềm lực kinh tế, khoa học, công nghệ, các số liệu bí mật này lại rất dễ bị lộ trong môi trường kinh tế đặc biệt là đối ngoại, ở khả năng thích ứng khi chiến tranh xảy ra, vừa có thể tự vệ vừa có thể chuyển hướng sản xuất theo yêu cầu của cuộc kháng chiến hay đó là sự kết hợp giữa kinh tế với quốc phòng.

Làm cho xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, mà phải thể hiện trong nội bộ nền kinh tế như xử lý các quan hệ lợi ích, hay việc đối xử của nền kinh tế đó với cộng đồng xã hội ...

-Về thực thể của nền kinh tế thị trường: Là chính nền kinh tế thị trường, với tất cả các yếu tố cấu thành nội dung, hình thức của nó:

#Quan hệ sản xuất hoặc chế độ kinh tế có định hướng là sự đa dạng về hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, đa dạng về loại hình doanh nghiệp, với đa dạng các hình thức sở hữu sẽ giải phóng lực lượng sản xuất, thu hút mọi nguồn lực vào phát triển kinh tế.

+Có sự hiện diện của kinh tế nhà nước tại các vị trí then chốt của nền kinh tế quốc dân nhằm hạn chế các tiêu cực do kinh tế thị trường gây ra.

Như vậy, bằng việc đa dạng hoá hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, đồng thời tăng cường vai trò chủ đạo của nền kinh tế nhà nước tạo ra khả năng đảm bảo mục tiêu dân giàu nước mạnh.

#Về lực lượng sản xuất: Thì được công nghiệp hoá hiện đại hoá việc này được thể hiện bằng việc tổ chức sản xuất hiện đại, chuyên môn hoá ... và không ngừng nâng cao trình độ khoa học - công nghệ sản xuất, và bên cạnh đó phải xây dựng cơ sở hạ tầng cho hàng loạt các loại thị trường như tài chính, vốn, công nghệ ...

+Cần có cơ cấu tối ưu, được xây dựng theo lợi thế so sánh, có hiệu quả kinh tế cao và có chủ động trong quan hệ kinh tế đối ngoại để thu hút ngoại lực phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh tế.

#Về chế độ quản lý:

Là nền kinh tế phải được quản lý bằng 1 nhà nước, được xây dựng theo các nguyên tắc căn bản của Đảng CSVN đề ra: là nhà nước của dân, do dân, vì dân, nhà nước tập trung dân chủ, nhà nước pháp quyền, nhà nước thống nhất quyền lực có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan, nhà nước do Đảng CSVN lãnh đạo.

*Thực tế nền kinh tế nước ta: đã đi theo định hướng XHCN, nhưng còn có những mặt chưa được như mục tiêu mong muốn cụ thể:

-Về mục tiêu dân giàu thì nước ta chưa phải là nước giàu nhưng GDP bình quân đã tăng nhanh số lượng người nghèo đã giảm đi đáng kể, mức chênh lệch giữa giàu và nghèo thấp .

-Mục tiêu nước mạnh thì chúng ta đang cố gắng xây dựng 1 đất nước vững mạnh, kinh tế ổn định, chính thì không có gì bất ổn, nhưng vấn đề thu ngân sách nước ta chưa làm tốt lắm, chúng ta cũng đã tác dụng được lợi thế so sánh, nhưng trong đang giai đoạn xây dựng các ngành mũi nhọn và đặc biệt vấn đề sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên thì chưa chúng ta còn sử dụng cách bừa bãi và lãng phí gây ô nhiễm môi trường trầm trọng chưa có thể khắc phục được.

-Mục tiêu xã hội, dân chủ, công bằng và văn minh ở nước ta thực hiện rất tốt, ở nước ta không có các mâu thuẫn lớn trong quá trình sản xuất .

-Về quan hệ sản xuất: Thì đã được mở rộng các loại hình sở hữu được công nhận, và lực lượng sản xuất được mở rộng, còn kinh tế nhà nước đã hoàn thành tốt được nhiệm vụ của mình .

-Về lực lượng sản xuất đã khá hiện đại, và ngày cũng được cải thiện .

-Về chế độ quản lý đã được xây dựng vững mạnh và hoạt động theo 5 nguyên tắc cơ bản của Đảng CSVN đề ra.

Câu 12: Nêu khái quát những việc mà nhà nước phải làm để chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường? Liên hệ thực tiễn nước ta, cho nhận xét .

*Những việc nhà nước làm:

-Phải xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp với lực lượng sản xuất .

+Quan hệ sản xuất: nhà nước cần xây dựng 1 chế độ sở hữu với nhiều loại hình sở hữu, sẽ làm giải phóng lực lượng sản xuất, thu hút được nhiều thành phần kinh tế tham gia xây dựng đất nước.

-Nhưng với nhiều thành phần kinh tế, nhưng nhà nước vẫn phải xác định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, thông qua việc xây dựng các doanh nghiệp nhà nước và các công ty cổ phần nhà nước ở các ngành, lĩnh vực then chốt nhằm hạn chế được tiêu cực của nền kinh tế thị trường .

+Xây dựng lực lượng sản xuất đó là xây dựng nền kinh tế công nghiệp hoá và hiện đại hoá, biểu hiện ở 2 mặt

1)Xây dựng 1 phương thức quản lý sản xuất theo hướng chuyên môn hoá tập trung, hợp tác, liên hiệp hoá, đồng thời đẩy mạnh cách mạng khoa học kỹ thuật theo hướng cơ khí hoá, tự động hoá, hoá học hoá.

-Xây dựng 1 cơ cấu kinh tế phù hợp với lợi thế so sánh của đất nước, qua đó tạo ưu thế cho đất nước trong các quan hệ quốc tế .

-Phát triển kinh tế mở, đa dạng hoá và đa phương hoá các loại kinh tế .

2)Nước ta có nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung được xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu và sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất, có vai trò lớn trong lịch sử đã góp phần quan trọng vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Ngày nay thế giới đã chuyển từ đối đầu sang đối thoại xuất hiện nhiều cơ hội thuận lợi cho các quốc gia chậm phát triển hội nhập với môi trường mới với nhịp độ phát triển cao, nhưng muốn thích ứng phải tìm được con đường đi mới, phù hợp, đó chính là nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN.

-Để chuyển đổi nền kinh tế, nhà nước ta cần đổi mới các phương thức quản lý nhà nước về kinh tế, và đặc biệt phải xây dựng hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật kinh tế nói riêng cho hoàn chỉnh.

*Thực tiễn hiện nay chúng ta cũng đang hết mình để xây dựng 1 nền kinh tế mới, với nhiều thành tựu vượt bậc, đã xóa bỏ được cơ chế quản lý cũ xây dựng được cơ chế mới và đời sống nhân dân được cải thiện .

Câu13: Đối tượng, phạm vi của quản lý nhà nước về kinh tế ? Vì sao nhà nước cần phải quản lý các đối tượng, phạm vi đó của hoạt động kinh tế? Nhà nước ta đã quán xuyên các đối tượng và phạm vi đó trong hoạt động quản lý của mình chưa?

*Dựa vào cấu trúc của nền kinh tế quốc dân thì phạm vi quản lý gồm:

-Tài nguyên quốc gia: là 1 phạm vi quản lý quan trọng nhưng tùy vào mỗi quốc gia thì có sự quản lý khác nhau. Tài nguyên không chỉ dành cho người đương thời mà còn cho đời sau nên cần coi quản lý tài nguyên như 1 nội dung về kinh tế .

-Dự trữ quốc gia: gồm vật tư, nội, ngoại tệ, vàng bạc, đá quý, đó là 1 phần của tổng sản phẩm quốc dân được dùng để bảo hiểm đất nước trước các rủi ro, do đó nhà nước cũng cần quản lý đối tượng này .

-Hệ thống kết cấu hạ tầng: gồm các công trình giao thông, hệ thống thoát nước, phương tiện truyền dẫn ... do ngân sách quốc gia đầu tư và xây dựng. Hệ thống này phục vụ nhiều cho kinh tế nên cần quản lý.

-Các doanh nghiệp: quản lý nhà nước về kinh tế chủ yếu là quản lý doanh nghiệp, các tế bào của nền kinh tế, là nhân vật chính nên nó là 1 phạm vi quản lý quan trọng.

*Xét theo cấu trúc của quá trình tái sản xuất xã hội bao gồm:

-Quá trình đầu tư xây dựng kinh tế.

-Quá trình vận hành của nền kinh tế .

*Xét theo các mặt hoạt động của nền kinh tế bao gồm :

-Vấn đề quan hệ sản xuất được giải quyết tốt sẽ tạo ra sự phù hợp và thích ứng giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất từ đó nền kinh tế sẽ phát triển và ngược lại .

-Nhà nước thường quản lý các mặt sau đây: quyền sở hữu của nhà nước với các loại tài sản quốc gia, về sự cho phép tồn tại của các loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất, về loại hình doanh nghiệp.

-Vấn đề tổ chức sản xuất: Thì nhà nước quản lý về cơ cấu kinh tế và cơ cấu cùng kinh tế .

+Nhà nước quản lý về quy mô doanh nghiệp, phân công việc làm và hợp tác trong nền kinh tế quốc dân, vấn đề phân bố địa lý của doanh nghiệp, vấn đề quan hệ quốc tế của nền kinh tế .

-Vấn đề chất lượng sản phẩm, vệ sinh môi trường.

Chất lượng sản phẩm thì nhà nước lại quản lý ở 2 lĩnh vực chủng loại sản phẩm và chất lượng sản phẩm .

-Vấn đề tiến bộ khoa học - công nghệ trong kinh tế: thì nhà nước quản lý các mặt như: thành tựu cụ thể của khoa học công nghệ trong và ngoài nước. Đối tác mà các doanh nghiệp có quan hệ trong việc thực hiệncác định hướng tiến bộ khoa học công nghệ nói trên.

-Vấn đề tổ chức quản lý : nội dung cơ bản là cơ cấu bộ máy quản trị kinh doanh tại các doanh nghiệp, chế độ ghi chép hạch toán, thống kê, chế độ thanh toán qua ngân hàng.

*Lý do nhà nước phải quản lý các phạm vi này: vì đây là những phạm vi kinh tế quan trọng cần nhà nước quản lý cụ thể có các lý do sau đây:

-Tài nguyên là nguồn sống của quốc gia, không chỉ dành cho hiện tại mà còn phải dành cho cả đời sau nên nhà nước phải quản lý để sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả.

-Dự trữ quốc gia: là nguồn bảo hiểm cho đất nước trước mọi rủi ro vì vậy nhà nước cũng cần phải quản lý để tránh thiệt hại.

-Hệ thống kết cấu hạ tầng là 1 phần rất quan trọng của kinh tế nó được xây dựng qua nhiều thế hệ, và cần luôn xây dựng nên cũng cần có sự quản lý của nhà nước.

-Các doanh nghiệp: là tế bào tạo thành nền kinh tế, và là nhân vật chính của nền kinh tế, nhà nước nên quản lý bởi vì đây là 1 phạm vi rộng lớn, đa dạng rất phức tạp.

-Còn về vấn đề sản xuất là rất quan trọng nhà nước nên quản lý để giải quyết tốt việc quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Mặt khác đây còn liên quan đến vấn đề giai cấp, là cơ sở chính trị của nhà nước nên nhà nước cũng cần quản lý.

-Lý do nhà nước quản lý về các vấn đề tổ chức sản xuất: vì các vấn đề này không chỉ có ý nghĩa kinh tế trực tiếp mà nó còn có ý nghĩa chính trị, quốc phòng to lớn vì thế nhà nước phải quản lý

-Còn về chất lượng sản phẩm, vệ sinh môi trường thì nhà nước cũng phải quản lý để bảo vệ người tiêu dùng và sức khỏe cộng đồng .

-Còn vấn đề tiến bộ khoa học- công nghệ thì nhà nước quản lý do nó được áp dụng vào nền kinh tế, có ảnh hưởng to lớn đến chất lượng sản phẩm... hoặc lợi ích của toàn thể nhân dân. Hay chất lượng của đối tác trong quan hệ về khoa học- công nghệ trên có ý nghĩa to lớn với quốc gia, bởi chất lượng của quan hệ quốc tế có ảnh hưởng đến an ninh, chính trị mà quốc gia quan tâm.

-Còn vấn đề sử dụng lao động và phân phối lợi ích thì nhà nước cần quản lý vì đây là vấn đề công bằng xã hội

-Còn vấn đề quản lý: nó giúp cho nhà nước nhận ra nhanh chóng được hành vi kinh tế của các doanh nhân, nó giúp nhà nước quản lý tốt các doanh nghiệp.

Câu 14: Chức năng của quản lý nhà nước về kinh tế? Nhận xét việc thực hiện các chức năng này của nhà nước ta.

***Chức năng:**

-Bảo vệ lợi ích giai cấp: Là thiết lập và bảo vệ chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất tối ưu cho giai cấp mà nhà nước là đại biểu

+Là thiết lập và bảo vệ 1 chế độ quản lý trong đó quyền quản lý thuộc về giai cấp mà nhà nước là đại biểu

+Là xây dựng và bảo vệ chế độ phân phối, hưởng thụ có ưu thế cho giai cấp mà nhà nước là đại biểu.

-Điều chỉnh các hành vi sản xuất kinh doanh trước hết:

+Điều chỉnh các quan hệ lao động sản xuất bao gồm các quan hệ quốc gia với quốc tế, quan hệ phân công và hợp tác nội bộ nền kinh tế quốc dân, quan hệ

phân công hợp tác theo lãnh thổ nội bộ, quốc gia thông qua việc phân bố lực lượng sản xuất, sự lựa chọn quy mô xí nghiệp, lựa chọn tài nguyên,...

+Điều chỉnh các hành vi phân chia lợi ích: như quan hệ trao đổi hàng hoá, quan hệ phân chia lợi tức trong công ty, tiền công tiền lương. Nhà nước điều chỉnh quan hệ này để giữ cho xã hội công bằng văn minh.

#Quan hệ đối với công quỹ quốc gia để bảo đảm cho các doanh nhân có nghĩa vụ đóng góp công quỹ.

-Hỗ trợ doanh nhân lập thân, lập nghiệp trên lĩnh vực kinh tế: Chức năng này được hiểu như là sự giúp đỡ của nhà nước đối với doanh nhân cụ thể .

-Hỗ trợ công dân ý chí làm giàu: thông qua chế độ kinh tế ổn định, pháp luật khả thi, nghiêm minh

-Hỗ trợ về tri thức: như tri thức sản xuất, quản lý kinh doanh, thông tin thời sự mọi mặt

-Hỗ trợ về phương tiện sản xuất và kinh doanh như vốn, kết cấu hạ tầng kinh tế, và những phương tiện kỹ thuật đặc biệt.

-Hỗ trợ doanh nhân về môi trường kinh doanh cần có như: tuyên truyền giới thiệu, giúp cho môi trường kinh tế cụ thể, môi trường an ninh, trật tự, an toàn xã hội .

-Bổ sung thị trường những hàng hoá và dịch vụ khi cần thiết bằng phương thức thích hợp.

-Bảo vệ công sản và khai thác công sản như 1 phương thức quản lý . Bảo vệ trước sự lãng phí, tham ô, khai thác nó để phát triển kinh tế .

*Trong thực tế: Nhìn chung nhà nước ta đã thực hiện rất tốt các chức năng của nhà nước, nhà nước ta đã thiết lập được chế độ sở hữu đa dạng, và phương thức quản lý, chế độ phân phối rất hợp lý .

-Còn về vốn để khai thác công sản và bảo vệ công sản, thì chức năng này nước ta còn có nhiều thiếu sót, còn có hiện tượng lãng phí công sản và chưa hiệu quả cao khi khai thác .

-Swj hỗ trợ công dân cũng rất tốt, đã làm khá tốt,đặc biệt là sự ổn địnhchính trị.

Câu15: Khái niệm về cơ sở kinh tế, và cơ chế quản lý kinh tế? Đối với nhà quản lý kinh tế nhận thức về cơ chế kinh tế có tác dụng gì đối với công tác quản lý.

*Khái niệm: Cơ chế kinh tế là sự diễn biến nội tại của hệ thống kinh tế trong quá trình phát triển, trong đó có sự tương tác giữa các bộ phận, các mặt cấu thành nền kinh tế trong quá trình vận động của mọi mặt, mỗi bộ phận đó, tạo nên sự vận động của cả hệ thống kinh tế.

-Cơ chế quản lý kinh tế:

+Theo nghĩa hẹp cơ chế quản lý kinh tế là sự tương tác giữa các phương thức, biện pháp quản lý kinh tế khi chúng đồng thời tác động lên đối tượng quản lý.

+Theo nghĩa rộng: cơ chế quản lý kinh tế cũng có thể được hiểu đồng nghĩa với phương thức quản lý và qua đó nhà nước tác động vào nền kinh tế .

*Nhận thức tốt về cơ chế quản lý có ý nghĩa to lớn đối với công tác quản lý, khi nhận thức rõ cơ chế kinh tế, thì giúp cho các nhà quản lý xác định được phương hướng tác động và nền kinh tế .

Câu16: Các biểu hiện của một cơ chế quản lý .

*Khái niệm Cơ chế kinh tế là sự diễn biến nội tại của hệ thống kinh tế trong quá trình phát triển, trong đó có sự tương tác giữa các bộ phận, các mặt cấu thành nền kinh tế trong quá trình vận động của mọi mặt, mỗi bộ phận đó, tạo nên sự vận động của cả hệ thống kinh tế.

-Cơ chế quản lý kinh tế là sự tương tác giữa các yếu tố, các lực tác động quản lý khi chúng đồng thời tác động lên đối tượng quản lý, do vậy các yếu tố tạo thành cơ chế quản lý kinh tế chính là những gì có thể tác động lên đối tượng quản lý.

-Để tạo nên 1 dạng cơ chế quản lý nào đó thường có sự tham gia của các yếu tố sau:

+Hệ thống các nguyên tắc quản lý nhà nước về kinh tế .

+Hệ thống các phương thức quản lý .

+Hệ thống các công cụ và hướng vận dụng chúng trong quản lý .

Câu17: Trong điều kiện nào Đảng và nhà nước ta quyết định chuyển nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường .

-Từ đại hội toàn quốc lần thứ 6 của đảng, nền kinh tế đó nhà nước ta đã được quyết định chuyển từ nền kinh tế kế hoạch tập trung sang nền kinh tế có nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN.

-Và nhà nước ta đã chuyển đổi nền kinh tế theo các lý do sau đây:

+Thứ nhất do sự phát triển không đồng đều, nói chung là thấp của lực lượng sản xuất ở nước ta, do trình độ và tính chất của sự phát triển lực lượng sản xuất của nền kinh tế nước ta tuy đa dạng nhưng còn thấp do đó nó kéo theo sự đa dạng của quan hệ sản xuất, nhưng cũng còn rất thấp. Nền cần đa dạng hoá các loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất để đẩy nhanh lực lượng sản xuất. Và do đang đa dạng hoá loại hình sở hữu nền tất sẽ có hình thức tư hữu, và do có tư hữu nên có kinh tế thị trường .

Nền kinh tế quốc dân là nền kinh tế thị trường nên phải chuyển từ cơ chế kế hoạch hoá tập trung sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước. Và do

nhà nước của ta là nhà nước XHCN nên sự quản lý của nhà nước đối với nền kinh tế đó phải theo định hướng XHCN.

+Thứ 2 là trong điều kiện Liên xô và phần lớn phe XHCN bị sụp đổ. Là sự kiện này đã làm cho chúng ta mất đi 1 trong 2 điều kiện để 1 nước nông nghiệp nhỏ bé, nghèo nàn, lạc hậu như chúng ta, có thể tiến thẳng lên CNHX mà không cần qua TBCN, đó là mất đi chỗ dựa vững chắc là phe XHCN

Từ 1945 trở đi đất nước ta tiến theo con đường được Đảng vạch ra trên cơ sở học thuyết về cách mạng không ngừng của Lê-nin và đã thu được nhiều thành công lớn. Nhưng từ năm 1990 phe XHCN có sự biến đổi căn bản nên con đường cũ của chúng ta không còn khả thi nữa nên phải tìm 1 con đường mới đó là nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN

Thứ 3 là nhà nước ta chuyển đổi nền kinh tế trong điều kiện thế giới đang chuyển từ đối đầu sang đối thoại, làm xuất hiện nhiều thứ có thuận lợi cho các quốc gia chậm phát triển hội nhập với môi trường mới với nhịp độ phát triển cao của thời đại, mở mang quan hệ quốc tế về kinh tế với tất cả các nước, kể cả các nước tư bản, trên nguyên tắc hợp tác bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, đôi bên cùng có lợi.

Câu 18: Phương thức cưỡng chế trong quản lý nhà nước về kinh tế? Vì sao để quản lý nền kinh tế thị trường cần tăng cường phương thức cưỡng chế. Thực tiễn và chứng minh?

*Phương thức cưỡng chế : Thực chất của phương thức cưỡng chế là dùng sự thiệt hại làm áp lực để buộc đối tượng tuân theo mục tiêu quản lý của nhà nước khi cưỡng chế, nhà nước đưa thiệt hại làm cái khiến cho đối tượng quản lý về sự thiệt hại đến mình mà theo nhà nước.

-Phương thức cưỡng chế được dùng khi cần điều chỉnh các hành vi mà hậu quả của nó có thể gây ra thiệt hại cho cộng đồng, cho nhà nước.

-Những thiệt hại được dùng để cưỡng chế bao gồm: thiệt hại về vật chất do đình chỉ sản xuất kinh doanh, do nộp phạt, tịch thu tài sản ... hay thiệt hại về thân thể như gồm danh dự, tự do...

*Quản lý nền kinh tế thị trường cần tăng cường phương thức cưỡng chế vì đây là 1 biện pháp quan trọng để quản lý kinh tế, đây là cơ sở để cưỡng chế các hành vi phạm pháp gây thiệt hại cho nhà nước và cộng đồng, đây là biện pháp để đưa mọi hoạt động kinh tế thị trường vào khuôn khổ. Trong kinh tế thị trường cần sử dụng đến biện pháp này do kinh tế thị trường để lại rất nhiều mặt trái, đặc biệt là tình trạng tội phạm ngày càng gia tăng, đặc biệt là tội phạm kinh tế, nếu không có biện pháp cưỡng chế mà chỉ có giáo dục và kích thích thì sẽ không quản lý được tốt nền kinh tế, và cũng đây là biện pháp hữu hiệu khi mà 2 phương pháp kia không có hiệu quả...

*Hiện nay ở nước ta chúng ta đang cùng sử dụng cả 3 phương pháp để quản lý nền kinh tế, nhưng do hệ thống luật pháp kinh tế nước ta chưa hoàn chỉnh và kín kẽ nhiều doanh nghiệp, cá nhân đã lợi dụng để làm ăn phi pháp và nhà nước ta đã phải sử dụng nhiều biện pháp cưỡng chế để quản lý để bảo vệ sản xuất, chống lại hàng nhập lậu...

Câu19: Nội dung định hướng XHCN cho nền kinh tế thị trường ở nước ta xét về mặt thực thể nền kinh tế.

-Thực thể của nền kinh tế thị trường là chính nền kinh tế thị trường với các yếu tố quan hệ sản xuất, lực lượng sản xuất, và chế độ quản lý. Vậy nội dung định hướng là:

-Về quan hệ sản xuất: thì Đảng ta định hướng nền kinh tế nước ta phải có sự đa dạng về hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, đa dạng về loại hình doanh nghiệp, chế độ sở hữu này có tác dụng giải phóng lực lượng sản xuất thu hút mọi nguồn lực quốc dân vào quá trình sản xuất và cải tạo vật chất xã hội .

+Trong nền kinh tế nước ta phải có sự hiện diện của kinh tế nhà nước tại các vị trí then chốt của nền kinh tế quốc doanh để chúng hạn chế các tiêu cực do các thành phần kinh tế mới gây ra, lực lượng kinh tế nhà nước được bố trí thành các doanh nghiệp nhà nước, phân bố theo ngành, hay theo lãnh thổ, sau đó là được bố trí thành các công ty cổ phần nhà nước .

Như vậy với việc đa dạng hoá các loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất, đồng thời tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, chúng ta đã tạo được 1 thực thể kinh tế thị trường về mặt sở hữu vừa có khả năng bảo đảm mục tiêu dân giàu, nước mạnh vừa đảm bảo được xã hội công bằng, dân chủ văn minh.

Về lực lượng sản xuất thì nền kinh tế phải được công nghiệp hoá, hiện đại hoá và điều này phải được thực hiện ngay trong các đơn vị sản xuất kinh doanh bằng việc tổ chức sản xuất 1 cách tiên tiến theo hướng chuyên môn hoá, hợp tác hoá, tập trung hoá, liên hợp hoá ... và không ngừng nâng cao trình độ khoa học kỹ thuật .

+Mặt khác công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn cần phải được thực hiện trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng cho các loại thị trường như tài chính, công nghệ, lao động,...

+Có được cơ cấu tối ưu , được xây dựng lợi thế so sánh, nhờ đó mà có hiệu quả kinh tế cao, chủ động trong quan hệ kinh tế đối ngoại .

+Mở cửa đa phương hoá, đa dạng hoá, phát huy tối đa nội lực để thu hút và chủ đạo ngoại lực phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội .

-Về cơ chế quản lý: là phải xây dựng nền kinh tế được quản lý bằng 1 nhà nước, được xây dựng theo các nguyên tắc căn bản do Đảng cộng sản VN đề ra là:

#nhà nước của dân do dân và vì dân

#Nhà nước tập trung dân chủ

#Nhà nước pháp quyền

#Nhà nước thống nhất quyền lực, có sự phân công phối hợp giữa các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp .

#Nhà nước do Đảng cộng sản VN lãnh đạo .

Câu20: Khái niệm công cụ quản lý nhà nước về kinh tế ? các loại công cụ chủ yếu .

*Khái niệm: công cụ quản lý nhà nước về kinh tế được hiểu theo 2 nghĩa : dụng cụ và phương tiện, là tất cả những gì giúp nhà nước thực hiện được hành vi quản lý của mình .

*Các công cụ quản lý:

-Công cụ thể hiện ý đồ của chủ thể quản lý: đây là công cụ thể hiện ý muốn của chủ thể quản lý, theo đó đối tượng quản lý phải biết mà tuân theo bao gồm:

+Kế hoạch nhà nước nói chung, nhiệm vụ hoặc nghĩa vụ giao nộp sản phẩm hoặc thuế, đơn hàng, hợp đồng ...thể hiện ý chí nhà nước về số lượng đầu ra.

-Các tiêu chuẩn chất lượng, quy cách sản phẩm, thể hiện ý chí về chất lượng đầu ra .

-Các văn bản pháp luật, pháp quy thể hiện chuẩn mực hành vi mà nhà nước muốn công dân phải theo.

+Công cụ có tác dụng động lực: đó là công cụ được dùng làm áp lực tác động vào đối tượng quản lý của nhà nước , bao gồm:

#Các ngân hàng thương mại quốc doanh

#Các doanh nghiệp nhà nước .

#Các kho dự trữ quốc gia.

#Toàn bộ khối tài nguyên quốc gia.

#Các loại quỹ chuyên dùng vào quản lý .

+Công cụ thể hiện ý chí của nhà nước trong việc sử dụng các lực nói trên vào việc gây áp lực, đó chính là hệ thống chế độ, chính sách kinh tế, tài chính của nhà nước như:

#Các chính sách chung về thưởng phạt trong kinh tế.

#Các chế độ thưởng phạt cụ thể, được thể hiện thành các đạo luật, chế tài ...

+Công cụ sử dụng các công cụ nói trên: đó chính là con người, những cán bộ, công chức nhà nước, là các cơ quan hành chính nhà nước, là các công sở.

Câu21: Cơ sở khoa học và (nguyên tắc) phương thức thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong các tổ chức và quản lý nhà nước về kinh tế? nhận định việc thực hiện nguyên tắc này của nhà nước ta.

*Cơ sở khoa học: nguyên tắc tập trung dân chủ được đặt ra xuất phát từ 4 lý do sau đây:

-Thứ1 : hoạt động kinh tế là việc của công dân, nên công dân phải có quyền, đồng thời trong 1 chừng mực nhất định hoạt động kinh tế của công dân có ảnh hưởng rõ rệt tới lợi ích của nhà nước, cộng đồng, do đó nhà nước phải có quyền .

-Thứ2: là quản lý kinh tế nói riêng, quản lý nhà nước nói chung là 1 lao động tập thể, phải được tổ chức 1 cách khoa học, nó thể hiện ovr phân công lao động phải dựa trên cơ sở kết cấu đối tượng lao động phải phù hợp với kết cấu đó, trong lao động quản lý nhà nước về kinh tế, đối tượng lao động chính là hệ thống của mối quan hệ kinh tế cần điều chỉnh . Các mối quan hệ này có kết cấu hệ thống nhiều tầng nấc giống như tập trung dân chủ.

-Thứ3: là trong mỗi cơ quan lãnh đạo tập thể cần phải tuân theo nguyên tắc tập trung dân chủ là vì chỉ có làm vậy mới khai thác được chuyên môn, sở trường của mọi thành viên, và tạo nên được sức mạnh trong chấp hành nhờ sự thống nhất theo đa số.

-Thứ 4 là trong mỗi cấp quản lý phải có cơ quan thẩm quyền và riêng để đảm bảo cả 2 mặt của quyết định.

*Phương hướng thực hiện :

-Bảo đảm cho cả nhà nước và công dân, cho cả cấp trên và cấp dưới, tập thể và cá nhân đều có quyền quyết định, có nghĩa là vừa có tập trung vừa có dân chủ .

-Quyền của nhà nước và công dân phải được xác lập 1 cách căn cứ khoa học và thực tiễn.

-Trong mỗi cấp của hệ thống quản lý nhiều cấp của nhà nước theo đảm bảo vừa có cơ quan thẩm quyền chung, vừa có cơ quan thẩm quyền riêng.

-Tập trung quan liêu, vào cấp trên, vào trung ương hoặc phân tán pháp vua, thua lệ làng, chuyên quyền độc đoán của nhà nước đến mức vi phạm dân quyền hoặc dân chủ quá trớn trong hoạt động kinh tế đến trái với nguyên tắc này .

*Nhận định: Trên thực tế hiện nay nguyên tắc tập trung dân chủ là 1 trong những nguyên tắc quan trọng và định hướng của hoạt động bộ máy và nhà nước và của cả các hoạt động kinh tế, chúng ta cũng đã chấp hành rất tốt nguyên tắc này, đã có sự phân biệt rạch ròi về quyền kinh tế của nhà nước và của các doanh nhân về việc quyết định 1 vấn đề kinh tế cụ thể nào đó, nhưng bên cạnh đó cũng còn có rất nhiều các nơi, doanh nghiệp chưa chấp hành tốt nguyên tắc này.

Câu 23: Cơ sở khoa học và phương hướng thực hiện nguyên tắc kết hợp quản lý nhà nước về kinh tế theo ngành, theo lãnh thổ? nhận định việc thực hiện nguyên tắc này.

***Quản lý theo ngành:**

-Cơ sở khoa học: quản lý theo ngành vì các đơn vị cùng ngành thường có 1 số vấn đề về kinh tế, kỹ thuật, công nghệ, lao động ... cần được giải quyết 1 cách thống nhất trên cơ sở hợp tác với nhau, hoạt động có hiệu quả .

-Phương hướng: chủ yếu tập trung vào hoạt động sau:

+Định hướng đầu tư xây dựng lực lượng của ngành, chống sự mất cân đối trong cơ cấu ngành và vị trí của ngành trong nền kinh tế quốc dân .

+Thực hiện các chính sách, các biện pháp phát triển thị trường chung cho toàn ngành, bảo hộ sản xuất ngành nội địa .

+Thống nhất hóa, tiêu chuẩn hoá quy cách, chất lượng hàng hoá và dịch vụ hình thành hệ thống tiêu chuẩn quốc gia.

+Thực hiện các biện pháp, các chính sách quốc gia trong việc phát triển nguồn nhân lực, nguyên liệu, trí tuệ cho toàn ngành .

+Tham gia xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, thể chế kinh tế ...để quản lý ngành .

***Quản lý theo lãnh thổ:**

-Cơ sở khoa học, phải quản lý kinh tế theo lãnh thổ là:

+Chúng cần thống nhất hành động khi cùng phục vụ 1 cộng đồng dân cư theo lãnh thổ sao cho cùng cân bằng lãnh thổ đó phù hợp với nhau.

+Các đơn vị kinh tế cần thống nhất hành động trong việc xây dựng kết cấu hạ tầng cho kinh tế và dân sự của bản thân cho được 1 cơ sở hậu cần tốt nhất .

-Phương hướng tập trung vào :

+quản lý nhà nước của cơ quan quản lý ngành trên lãnh thổ .

+Quản lý nhà nước của chính quyền lãnh thổ với nội dung là định hướng đầu ra cho các đơn vị kinh tế và tổ chức trực tiếp hoặc gián tiếp việc xây dựng kết cấu hạ tầng thuộc tầm lãnh thổ.

#Kết hợp quản lý nhà nước theo ngành và theo lãnh thổ .

-Cơ sở khoa học:

+Nhằm tránh sự chồng chéo giữa 2 chiều quản lý, gây trùng lặp hoặc bỏ sót trong quản lý nhà nước của mỗi tuyến .

+Và tránh việc 2 chiều quản lý không thấu suốt được nhau từ đó sẽ đưa ra các quyết định quản lý phiến diện kém chính xác .

+Và sự phân công quản lý theo ngành, theo lãnh thổ chỉ có thể đạt được sự hợp lý tương đối .

-Phương hướng :

+Thực hiện quản lý theo cả 2 chiều theo ngành và theo lãnh thổ .

+Có sự phân công quản lý danh mạnh cho các cơ quan quản lý theo ngành và theo lãnh thổ không trùng không sót .

+Các cơ quan quản lý nhà nước theo mỗi chiều thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý theo thẩm quyền của mình trên cơ sở kết hợp quản lý với chiều kia.

*Nhận định việc thực hiện nguyên tắc này: trong quản lý nhà nước về kinh tế ở nhà nước ta thì vấn đề kết hợp quản lý theo ngành, theo lãnh thổ đã được thực hiện khá tốt và có hiệu quả, đã làm phát huy được hậu hết các thế mạnh của các vùng và đang cố gắng để phát huy hết tiềm năng của đất nước .

Câu 11: Sự cần thiết khách quan của quản lý nhà nước về kinh tế .

Nhà nước phải can thiệp vào quá trình vận động của nền kinh tế quốc dân vì những lý do sau đây:

-Nhà nước có bản chất giai cấp, kinh tế là nơi tôn tại các giai cấp vì cuộc đấu tranh giai cấp, do đó nhà nước phải can thiệp vào kinh tế , mặt khác nhà nước là 1 công cụ của giai cấp, nhà nước không thể đứng ngoài cuộc đấu tranh giai cấp, nó phải can thiệp vào nơi diễn ra cuộc đấu tranh đó để đóng vai trò công cụ của mình.

-Nếu kinh tế quốc dân là nơi chứa đựng nhiều mâu thuẫn lợi ích vật chất phổ biến, thường xuyên và cơ bản như:

+Mâu thuẫn cơ bản giữa các doanh nhân với nhau trong quá trình sản xuất, phân chia lợi nhuận, quyền lãnh đạo công ty...

+Mâu thuẫn giữa các chủ thợ ở các doanh nghiệp có sự bóc lột lao động, đó là mâu thuẫn về tiền công lao động, điều kiện lao động .

+Mâu thuẫn giữa giới sản xuất, kinh doanh với toàn thể cộng đồng , mâu thuẫn này diễn ra khi giới kinh doanh sử dụng các tài nguyên của cộng đồng mà không tính tới lợi ích chung, cung cấp hàng hoá kém chất lượng...

+Các mâu thuẫn trên rất thường xuyên và phổ biến, nó xảy ra ở hầu hết mọi nơi, mọi lúc và mọi người.

-Tính khó khăn phức tạp của sự nghiệp kinh tế, hoạt động kinh tế cần nhiều điều kiện chủ quan và khách quan, nhưng không phải ai cũng có điều kiện để làm kinh tế như ý chí làm giàu phải phù thuộc vào chế độ kinh tế, chính trị ,... hay chỉ thức làm giàu thì phải có nhà nước giúp sức từ đào tạo học thức, đến tầm nhìn chiến lược, thông tin và pháp luật quốc tế. Phương tiện sản xuất kinh doanh

mà đặt biệt là vốn, và kết cấu hạ tầng thì chỉ nhà nước mới đảm bảo được. Cuối cùng là môi trường kinh doanh là cái rất quan trọng, nhà nước phải đảm bảo tính mạng, tài sản và môi trường sản xuất an toàn không tội phạm, chiến tranh, thiên tai....

-Sự có mặt của kinh tế nhà nước trong kinh tế quốc dân, đây là lý do trực tiếp nhất, khiến nhà nước phải can thiệp vào nền kinh tế quốc dân.

+Kinh tế nhà nước bao gồm tài nguyên quốc gia, dự trữ quốc gia về tiền, vàng bạc, đá quý, kết cấu hạ tầng, vốn nhà nước trong doanh nghiệp ...

+Nhà nước cần có kinh tế riêng của mình vì nhà nước cần có lực lượng kinh tế làm công cụ quản lý xã hội khi các công cụ kinh tế thích hợp, để sản xuất và cung ứng những hàng hoá mà khu vực tư không cung ứng được. Và đặt biệt nhà nước cần có thực lực kinh tế để thực hiện các chính sách xã hội.

Câu 34. nội dung quản lý Nhà nước đối với doanh nghiệp ? liên hệ và cho biết những mặt hạn chế

+xây dựng và ban hành pháp luật :và công tác lập pháp phải đề cập đến các vấn đề sau :

-mặt tổ chức của DN, cụ thể gồm: khái niệm loại hình DN được định ,địa vị pháp lí của chúng , chức năng nhiệm vụ của chúng ,điều kiện thủ tục thành lập mỗi loại hình DN,có chế hành quản lí của bộ máy DN

+mặt hoạt động của DN,bao gồm:

-định chế hoạt động liên quan đến việc sử dụng mọi nguồn lực (tài nguyên,môi trường ,lao động..)

-định chế liên quan đến việc phân phối thành quả lao động:tiền công thuế ,địa tô..

-định chế liên quan đến nghiệp vụ quản trị kinh doanh như chế độ kế toán,thống kê,hợp đồng ..

+xây dựng chiến lược,quy hoạch kế hoạch đầu tư:để làm tài liệu định hướng,tuyên truyền thuyết phục các doanh nghiệp làm theo sự chỉ đạo của nhà nước hay làm căn cứ cho việc đầu tư bằng ngân sách nhà nước ,hoặc làm chỉ tiêu

+ tổ chức thực hiện PL,chiến lược kế hoạch dự án NN:đó là việc áp dụng PL để thúc đẩy ,hướng dẫn,cưỡng chế hỗ trợ.... các DN ra đời theo đúng quy định của PL công vụ này bao gồm :

-tuyên truyền phổ biến PL

- khuyến trương các dự án đầu tư
- tìm hiểu khả năng, nguyện vọng, khó khăn của công dân và việc tuân thủ PL ..
- tư vấn cho các đối tượng năng đầu tư
- xét duyệt và cấp giấy phép sx kinh doanh
- +tổ chức xd các dn khi cần thiết bao gồm các công vụ sau :
 - sáng kiến đầu tư,xd luận chứng KTKT cho các dự án XD DN.
 - thành lập hội đồng thẩm định và tiến hành thẩm định.của hội đồng về các dự án được trình.
 - thủ trương hành chính có thẩm quyền phê chuẩn.
 - bộ phận thực thi dự án tiến hành xd có bàn theo trình tự quản lí xd cơ bản
 - hoàn công tiếp thu xd vừa đưa Dn NN mới vào quỹ đạo của KTTT.
- +định hướng điều chỉnh hoạt động sx của các DN:hoạt động này rất phong phú nhưng chủ yếu là: thông tin truyền truyền bằng hệ thống tuyến thông đại chúng ;
- công tác vận dụng các
- hiệp đoàn do đảng và nhà nước,hỗ trợ tạo điều kiện hoạt động
- sự tiếp cận của quan chức NN ví giới kinh doanh của các ngành thông qua câu lạc bộ, các hội thảo,điều đàn DN
- +thu về ngân sách NN các nguồn thu từ DN:có 2 loại công cụ cụ thể là thu từ mọi loại DN các khoản thuế, phí ,địa tô,và thu từ DNNN các khoản lợi nhuận do vốn NN trong các DN này tạo ra với tư cách là người chủ sở hữu DNN
- +kiểm tra giám sát việc tuân thủ PL của các doanh nhân, cụ thể là các hoạt động :
 - kiểm tra tính hợp pháp của sự tồn tại DN
 - kiểm tra khả năng tiếp tục tồn tại của DN
 - kiểm tra định hướng theo chế độ nhằm nhắc nhở các DN thường xuyên chấp hành pl
 - thanh tra kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật
- +thực hiện các hoạt động hỗ trợ công dân lập thân, lập nghiệp, hỗ trợ doanh nhân làm ăn có hiệu quả,đây là 1 nhiệm vụ quan trọng và khá nặng nề,và để làm tốt nhiệm vụ này, NN ta phải XD ngân hàng đầu tư ưu đãi, XD và tiến hành bảo hiểm SX kinh doanh,thực hiện sự miễn giảm thuế,hỗ trợ pháp lí,thông tin...

câu 22: sự khác nhau giữa quản lí NN về kinh tế,quản trị kinh doanh của doanh nhân? vì sao nhà nước không trực tiếp SX kinh doanh .

-trong thời gian dài chúng ta đã đồng nhất 2 chức năng QLNN về Ktế và quản trị kinh doanh vì vậy đã gây ra rất nhiều thiếu sót,vì vậy trong quá trình đổi mới kinh tế ta phải tách 2 chức năng này ra.

-mặt khác trong cùng 1 đơn vị không thể thực hiện 2 chức năng này,nếu 2 chức năng này do cùng 1 cơ quan thực hiện thì QLNN sẽ không nghiêm minh đồng thời các hoạt động kinh tế sẽ diễn ra 1 cách đôn độn và không sơ cứng.

-khi chuyển sang nếu kinh tế hàng hóa nhiều thành phần,bản thân NN sở hữu kinh tế NN còn đổi mới các thành phần ktế khác thì NN không có quyền can thiệp sâu vào hoạt động kinh doanh của họ.

-cụ thể thì QLNN về doanh nghiệp và quản trị kinh doanh khác nhau trên các mặt sau đây:

+chủ thể quản lí thì có quản lí NN là NN và quản trị kinh doanh là chủ DN.

+phạm vi qll có qll NN là toàn bộ nền kinh tế quốc dân và quản trị kinh doanh là các hoạt động trong DN.

+Mục tiêu:QLNN cần đạt được mtiêu mang tính chất toàn xã hội dân giàu nước mạnh,xã hội công bằng và văn minh ,quản trị kinh doanh có mục tiêu là lợi nhuận .

+phương pháp quản lí là quản lí NN sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nhưng đặc biệt là phương pháp cưỡng chế và kích thích và còn quản trị kinh doanh sử dụng phương pháp kích thích vật chất và thuyết phục

NN không trực tiếp SX kinh doanh vì đây là công việc khó lẽ của kinh tế vi mô,NN chỉ trực tiếp quản lí kinh doanh ở tầm vĩ mô,dưới không thể tự mình điều hành các hoạt động KT trên cả nước, mà hiện nay với sự phát triển KTTT ,nếu NN còn can thiệp sâu vào các hoạt động SX kinh doanh thì sẽ không tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển .

Câu 35: Sự cần thiết của QLNN với DNNN.

DNNN là đại diện cho lực lượng ktế NN làm công cụ quản lí xã hội khi các công cụ khác tỏ ra bất lực trong 1 số trường hợp và NN cũng cần có lực lượng kinh tế riêng mà cụ thể là các doanh nghiệp NN để SX và cung ứng những hàng hóa dịch vụ quan trọng mà khu vực tư nhân không đáp ứng được.Như vậy KTNN có vai trò khác quan trọng,vì nó quan trọng nếu các doanh nghiệp này cũng cần phải có sự thống nhất quản lí về mặt NN vì :

-ktế NN mà đại diện là các DN NN phải có người quản lí đứng ra quản lí.

-và khi KTNN được giao cho những nhóm người cụ thể quản lí thì sẽ có 2 nguy cơ xảy ra :

*một là công sản có thể bị lợi dụng để mưu lợi cá nhân, bị tham ô lãng phí, do đó NN phải quản lí để ngăn chặn mọi hành vi xâm phạm công sản của chính những người được NN ủy thác quản trị kinh doanh vận hành các đơn vị .

*hai là người được ủy thác quản lí có thể không đủ khả năng làm cho đơn vị của mình thực hiện đúng vai trò chức năng, nhiệm vụ NN giao cho, nên NN phải quản lí.

Do đó NN cần chỉ đạo các DN hoạt động đúng hướng , làm đúng chức năng thực hiện đúng nhiệm vụ. Tuy nhiên vì nhiều lí do trong đó có lí do chuyên môn, đạo đức các nhà quản trị DNNN không làm đúng chức năng ,nhiệm vụ của DN, khi đó NN cần can thiệp kịp thời để họ làm đúng chức năng nhiệm vụ của mình.

Câu 25: điều kiện ra đời của KTTT ? những điều kiện này ở nước ta như thế nào? nó ảnh hưởng như thế nào đối với sự ra đời và phát triển của nền KTTT nước ta .

*điều kiện ra đời :phân công lao động XH là sự chuyên môn hóa các hoạt động sx của cải vật chất hoặc dịch vụ giữa các bộ phận của lực lượng lao động XH. Sự chuyên môn hóa này được thực hiện theo vùng hoặc theo ngành với các mức độ, quy mô rộng, hẹp ,cao thấp khác nhau nhằm nâng cao năng suất XH. do phân công lao động làm nảy sinh tình trạng thiếu, thừa sản phẩm tại hộ kinh tế, những sản phẩm họ chuyên sx thì thừa còn những sản phẩm không sx thì thiếu, do đó phải có trao đổi để cầu đổi cung cầu

*sự xuất hiện tư hữu về tư liệu sx , tư hữu xuất hiện làm cho việc trao đổi sản phẩm chỉ có thể tiến hành trên cơ sở những giá trị , bởi không ai chịu thiệt thòi chuyển giao thành quả lao động cho người khác sự trao đổi ngang giá là hình thức mua bán là 1 trong các đặc trưng của kinh tế thị trường .

*những điều kiện này ở nước ta.....

Câu 27 Sự cần thiết phải có DNNN? liên hệ thực tiễn và cho biết các DNNN ta có cần thiết như thế không?

*Sự cần thiết phải có DNNN: tất cả mọi quốc gia đều có KTTN, tuy vậy ở mỗi quốc gia tỷ lệ DNNN có sự khác nhau do các lí do sau đây :-Do phải tập trung tư bản xã hội trong bước đầu phát triển kinh tế quốc dân có nghĩa là dồn tư bản xã hội vào một nơi nào đó để đầu tư vào kinh tế chứ không rải rác trong dân chúng . Cần có sự tập trung tư bản xã hội là vì các tư bản quá nhỏ bé so với nhu cầu tối thiểu về vốn đầu tư để hình thành các công trình kinh tế .

-trong xã hội có nhiều cách tập trung tư bản như hoạt động tín dụng, thị trường chứng khoán... Ngoài ra NN ta còn có thể can thiệp trực tiếp vào việc tập trung tư bản đó là phát hành công trái, và các hình thức tư bản khác

*NN cần có thực lực kế để thực hiện các tác động quản lý đối với nền kế nói riêng và xã hội nói chung.-để điều chỉnh các quan hệ xã hội nói chung,quan hệ kinh tế nói riêng NN ta dùng các phương pháp cưỡng chế,tuyên truyền,thuyết phục mà để sử dụng có hiệu quả phương pháp này thì Nn phải chuẩn bị các phương tiện tương ứng như xdụng lực lượng cưỡng chế các phương tiện tuyên thông,cũng như vậy để kích thích kinh tế chúng ta cần có đòn bẩy kế là các DNNN.

*NN cần có lực lượng kế để bổ sung thị trường khi cần thiết ,trong thực tế cuộc sống có rất nhiều hàng hóa và dịch vụ mà các doanh nghiệp phi Nn không thể đáp ứng hoặc không muốn đáp ứng,và không được làm,vì vậy DNNN phải đảm nhận việc này

*liên hệ thực tiễn:trong thực tế nước ta thì hiện nay do chúng ta đang ở giai đoạn đầu của KTTT nên các DNNN là hết sức quan trọng và cần thiết, Nhà nước ta phải xdụng các tổng công ty 90,91để tập trung vốn vào sản xuất kinh tế,xdụng cơ sở hạ tầng,và đáp ứng nhu cầu của đời sống kinh tế đất nước, mặt khác chúng cần phải có DNNN để làm cơ sở đòn bẩy các phương pháp quản lý NN,Mặt khác với giai đoạn này DNNN ở VN là hết sức cần thiết vì nền kế nước ta còn nhỏ lẻ,chưa nhiều tập đoàn lớn , có khả năng đầu tư vốn lớn nên các DNNN là hết sức cần thiết và quan trọng

Câu 28: vai trò, chức năng của DNNN?đánh giá khái quát vai trò của DNNN ở nước ta hiện nay.

+DNNN là chỗ dựa kinh tế để NN thực hiện sự quản lý NN đối với nền KTQD nói riêng và toàn xã hội nói chung một cách có hiệu lực, DNNN là công cụ kinh tế NN gây áp lực kinh tế đối với những đối tượng mà NN muốn dùng áp lực kinh tế để điều chỉnh.

-là công cụ kinh tế để NN thực hiện các chính sách nhân đạo, nhân văn đối với công đồng xã hội

+DNNNlà biện pháp để NN can thiệp vào quá trình tích tụ tư bản và tập trung vốn ban đầu cho quá trình CNH và HDHnền KTQD ở các nước chưa phát triển cao .

-NNbằng các hoạt động kip thời hợp vốn của mình cho nhân dân,những lực lượng vốn nhỏ bé nải nác ,để xdụng nên những cơ sở hạ tầng ban đầu là tạo điều kiện cho công dân tự thân lập nghiệp

+DNNN là lực lượng xung kích để nhà NN hỗ trợ công dân lập nghiệpthông qua DNNN, NN xdụng lên các trung tâm công nghiệp,các khả năng thu hút quanh mình các vệ tinh thuộc các kế khác nhau.Bằng cách này NN tạo việc làm cho công dân, và tạo điều kiện cho những người có khả năng thanh lập doanh nghiệp vệ tinh của trung tâm .

-thông qua DNNN, NN thực hiện ý đồ phân bố công nghiệp hướng đem lại ánh sáng văn minh cho mọi vùng lãnh thổ, xóa bỏ sự cách biệt vùng, giúp công dân các vùng phát triển toàn diện.

+DNNN là lực lượng xung kích để NN bổ sung thị trường những hàng hóa và dịch vụ khi cần thiết đó là khi các khu vực tư không đáp ứng được, không muốn làm, hay không được làm

*đánh giá khái quát vai trò của DNNN ta hiện nay .hiện nay vai trò của DNNN ta là rất quan trọng, đây là một lực lượng kinh tế lớn mạnh và chủ yếu ở nước ta hiện nay nó là công cụ quản lý hết sức hiệu quả để nhà nước đảm bảo quản lý có hiệu quả. DNNN ta cung cấp cho XH rất nhiều mặt hàng quan trọng mà các doanh nghiệp tư nhân không thể cung cấp được mặt khác cũng như vai trò chung của các doanh nghiệp NN, thì DNNN ta đã đang góp phần vào phân bố lực lượng sản xuất giữa các vùng miền trên toàn lãnh thổ nước ta tạo hàng loạt công ăn việc làm cho lao động trong nước huy động vốn đủ thừa

Câu 37 Nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước? Liên hệ thực tiễn quản lý của nhà nước ta. Cho biết những mặt hạn chế!

*nội dung của quản lý NN đối với DNNN. xây dựng chiến lược quy hoạch kế hoạch và các dự án phát triển hệ thống DNNN đây là bước mở đầu của toàn bộ quá trình quản lý NN đối với DNNN phải có hướng này thì hoạt động đầu tư xây dựng DNNN mới có thể tiến hành . qua công cụ nói trên thì quản lý còn tạo ra những chỉ tiêu thể lực nhiệm vụ phát triển xã hội của toàn bộ hệ thống các loại hình DN và những chỉ tiêu thể hiện nhiệm vụ riêng có hệ thống DNNN

*hoàn thiện thể chế tổ chức quản lý NN đối với DNNN thực chất công cụ trên là việc tổng kết công tác quản lý NN đối với DNNN bổ sung đổi mới tổ chức quản lý NN đối với khối DNNN cho phù hợp với sự phát triển thương mại của khối này .

-công vụ phải được tiến hành đều đặn và kịp thời theo từng bước phát triển của DNNN và của thị trường ,

-tiến hành động bộ trên cả 2 phương diện xem xét tổ chức và hoạt động quản lý của chủ thể và khách thể. mà trong thực tiễn là bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, thể chế, quy tắc nhằm điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp và bổ sung hoàn thiện tổ chức bộ máy phân công nhiệm vụ, quyền hạn , trách nhiệm giữa các cấp, các ngành...

*tổ chức đầu tư xây dựng DNNN theo kế hoạch, dự án đã lập công vụ này phải biến các kế hoạch dự án xây dựng mới xây dựng lại chuyển đổi sở hữu DNNN thành hệ thống DNNN mới ...

-việc xây dựng lại, xây dựng mới chính đối DNNN được tiến hành theo trình tự quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

-còn việc chuyển đổi sở hữu DNNN được tiến hành theo 2 hướng tiến hành giải thể DNNN và cổ phần hóa DNNN

*khai thác sử dụng các DNNN vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của NN đây là việc sử dụng các DNNN vào nhiệm vụ quản lí NN..

-công vụ này được thực hiện với việc xác định mục tiêu mà nhà nước cần đạt được trong các lĩnh vực hoạt động xh mà nhà nước quan tâm.

-xác định các hành vi kinh tế có khả năng hoặc có tác dụng đối với việc thực hiện các mục tiêu trên .

-chuyển nhượng những công việc cần thiết đủ cho DNNN hoàn thành nhiệm vụ được giao và áp dụng 1 số CS u đãi

-kiểm tra đôn đốc việc thực hiện nv nói trên

*những mặt hạn chế thực ra trên thực tế hiện nay quản lí NN đối với DNNN đã có nhiều tiến bộ và hiệu quả nhưng nó cũng còn nhiều bất cập và hạn chế, ngay từ khâu lập dự án kế hoạch cũng dù hạn chế, đó là không hoàn thành kế hoạch, hoặc không đạt được những chỉ tiêu phát triển XH, hay những mục tiêu riêng. Bên cạnh đó vấn đề tổ chức và quản lý cũng còn nhiều hạn chế đặc biệt là hệ thống pháp luật về DNNN, hay nhiệm vụ quyền hạn của các cấp, các ngành chưa được phân định rõ ràng

Câu 38 nội dung quản lí NN đối với DNNN? liên hệ thực tiễn quản lí NN ta cho biết những mặt hạn chế, NN ta hiện nay đang tập trung giải quyết vấn đề gì? hướng giải quyết của NN ra sao?

*nội dung của quản lí NN đối với DNNN. xây dựng chiến lược quy hoạch kế hoạch và các dự án phát triển hệ thống DNNN đây là bước mở đầu của toàn bộ quá trình quản lí NN đối với DNNN phải có hướng này thì hoạt động đầu tư xây dựng DNNN mới có thể tiến hành .

qua công cụ nói trên thì quản lí còn tạo ra những chỉ tiêu thể hiện nhiệm vụ phát triển xã hội của toàn bộ hệ thống các loại hình DN và những chỉ tiêu thể hiện nhiệm vụ riêng có hệ thống DNNN

*hoàn thiện thể chế tổ chức quản lí NN đối với DNNN thực chất công cụ trên là việc tổng kết công tác quản lí NN đối với DNNN bổ sung đổi mới tổ chức quản lí NN đối với khối DNNN cho phù hợp với sự phát triển thương xuyên của khối này .

-công vụ phải được tiến hành đều đặn và kịp thời theo từng bước phát triển của DNNN và của thị trường ,

-tiến hành động bộ trên cả 2 phương diện xem xét tổ chức và hoạt động quản lí của chủ thể và khách thể. mà trong thực tiễn là bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, thể chế, quy tắc nhằm điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp và bổ sung hoàn thiện tổ chức bộ máy phân công nhiệm vụ, quyền hạn , trách nhiệm giữa các cấp, các ngành...

*tổ chức đầu tư xây dựng DNNN theo kế hoạch, dự án đã lập công vụ này cải biến các kế hoạch dự án xây dựng mới xây dựng lại chuyển đổi sở hữu DNNN thành hệ thống DNNN mới ...

-việc xây dựng lại, xây dựng mới chỉnh đốn DNNN được tiến hành theo trình tự quản lý đầu tư xây dựng cơ bản.

-còn việc chuyển đổi sở hữu DNNN được tiến hành theo 2 hướng tiến hành giải thể DNNN và cổ phần hóa DNNN

*khai thác sử dụng các DNNN vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của NN đây là việc sử dụng các DNNN vào nhiệm vụ quản lý NN..

-công vụ này được thực hiện với việc xác định mục tiêu mà nhà nước cần đạt được trong các lĩnh vực hoạt động xh mà nhà nước quan tâm.

-xác định các hành vi kinh tế có khả năng hoặc có tác dụng đối với việc thực hiện các mục tiêu trên .

-chuyển nhượng những phương tiện cần thiết đủ cho DNNN hoàn thành nhiệm vụ được giao và áp dụng 1 số CS ưu đãi

-kiểm tra đôn đốc việc thực hiện nv nói trên

*trong QLNN đối với DNNN hiện nay cần tập trung giải quyết các vấn đề hạn chế của quản lý DNNN, đẩy mạnh quản lý DNNN một cách có hiệu quả cao, nhằm nâng cao vai trò chủ đạo trong nền KTQD của các DNNN, để đảm bảo đây là lực lượng hỗ trợ nhà nước QL

*hướng giải quyết : dựa vào mặt hạn chế của QLNN về DNNN ta thấy có hướng giải quyết sau:

-trước hết phải hoàn thiện hệ thống các quy phạm PL , các quy chế , thể chế về DNNN nhằm tạo lập cơ sở pháp lý vững chắc và có khoa học cho hoạt động quản lý, nhằm điều chỉnh tổ chức bộ máy quyền hạn và trách nhiệm của các DNNN

-cần phải bổ sung, hoàn thiện tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ quyền hạn của các cấp ngành, doanh nghiệp

-cần tổ chức đẩy mạnh xây dựng các dự án mới , cải tạo lại các DNNN để có được hiệu quả cao

-các quy hoạch, chiến lược cần phải thực hiện đầy đủ, đúng chỉ tiêu

Câu 39: Sự cần thiết của kinh tế đối ngoại (KTĐN) với mọi quốc gia. Liên hệ thực tiễn nước ta để minh họa.

Sự cần thiết: Do các quốc gia trên thế giới có sự phát triển không đồng đều, hay đầu tư phát triển không thuận lợi vì vậy họ cần phát triển KTĐN, cụ thể có các lý do sau:

Do có sự khác biệt về nguồn tài nguyên của mỗi quốc gia, trên góc độ kinh tế thì tài nguyên là gốc của sản xuất, không có quốc gia nào sản xuất của cải vật chất mà không dựa vào tài nguyên, kể cả tài nguyên của nước khác. Giữa các quốc gia có sự không đồng đều về tài nguyên, trong khi đó các quốc gia đều có nhu cầu toàn diện về tài nguyên vì vậy các quốc gia đã trao đổi tài nguyên với nhau hình thành nên thương mại quốc tế. Do có sự phát triển không đồng đều giữa các quốc gia về khoa học và công nghệ.

-Khoa học công nghệ (KHCN) là hệ thống nhận thức của con người về thế giới tự nhiên và xã hội, là hệ thống công cụ và Phương pháp công nghệ để làm tăng sức mạnh của con người

-Trình độ KHCN của mỗi quốc gia thường không đồng đều, do nguyên nhân lịch sử và địa lý khác nhau, trong khi đó sự phát triển kinh tế thế giới đòi hỏi các quốc gia phải có sự phát triển toàn diện về KHCN, chính vì thế các quốc gia đã tiến hành trao đổi tri thức, KHCN cho nhau.

+có sự khác biệt giữa các quốc gia về điều kiện tái sản xuất ngoài TNTN, KHKT và công nghệ, thì các quốc gia còn cần có lao động vốn đầu tư... và những nhân tố này cũng thường xuất hiện không đồng đều giữa các quốc gia. Đó chính là sự chênh lệch về các điều kiện của quá trình tái sản xuất xã hội dẫn đến trình độ phát triển khác nhau, nên các quốc gia cũng có nhu cầu về trao đổi kinh tế.

-Hiện nay các quốc gia đều muốn đi sâu vào chuyên môn hoá. Đó là việc tập trung vào một số ít ngành, và bỏ qua nhiều ngành nghề khác.

-Do các quốc gia đi sâu vào chuyên môn hoá nên chúng ở vào tình thế què quặt về kinh tế, để khắc phục tình trạng này cũng cần có trao đổi hàng hoá.

+Cuối cùng là yêu cầu bảo vệ tổ quốc, quan hệ KTĐN là chỗ dựa quan trọng trong giữ gìn độc lập và hoà bình của mỗi quốc gia, nếu có quan đa phương đáng tin cậy thì KTĐN là hậu thuẫn cho việc bảo vệ lãnh thổ trong một mức độ nhất định

*Liên hệ thực tế của Việt Nam. Đối với Việt Nam hiện nay thì phát triển kinh tế đối ngoại cũng hết sức là cần thiết và nó đang ngày càng phát triển mạnh.

-Trước hết Việt Nam là một quốc gia có nhiều lợi thế về TNTN và vị trí địa lý, do đó chúng ta có dư thừa một số mặt hàng mà rất nhiều các quốc gia trên thế giới muốn nhập khẩu như quặng tài nguyên, dầu thô, nông, hải sản... nếu cần phát triển KTĐN.

-ở Việt Nam là quốc gia có môi trường đầu tư tái sản xuất rất thuận lợi, tạo điều kiện cho các quốc gia thừa tư bản, nhưng thiếu điều kiện sản xuất đầu tư vào

-Việt Nam là một quốc gia kém phát triển, nhưng chúng ta đang thực hiện đường lối "đi tắt đón đầu" phát triển KHCN, *** phải phát triển KTĐN để trao đổi công nghệ và tri thức

-Mặt khác nước ta có vị trí địa lý là ở trung tâm Đông Nam á, cửa ngõ ra biển Đông, đây là một vị trí địa lý chiến lược trong khu vực, vì vậy vấn đề bảo vệ tổ quốc luôn được đặt ra trong đường lối đối ngoại của Nhà nước ta.

-Như vậy ta thấy không chỉ trên thế giới KTĐN là quan trọng mà ngày nay KTĐN cũng là một thế mạnh của Việt Nam.

Câu 40 .Khái niệm và thực chất của cơ chế thị trường? cho một ví dụ thể hiện được sự điều tiết của thị trường đối với nội dung sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

*Khái niệm: cơ chế thị trường là sự tác động, tương tác giữa các bộ phận cấu thành thị trường

*Thực chất của cơ chế thị trường: sự vận động mà toàn bộ nền kinh tế là sự vận động tổng hợp của nhiều bộ phận, trong đó chủ yếu là vận động của chính các doanh nhân, các bộ phận ấy vận động theo nhiều động lực khác nhau, đồng thời mỗi bộ phận đó cũng là động lực cho sự vận động khác, sự tương tác giữa các bộ phận này và bộ phận khác tạo nên một trạng thái vận động hỗn hợp cả hệ thống kinh tế mà gọi đó là cơ chế thị trường.

-Các chủ thể chịu sự tác động của thị trường thực chất là chịu sự tác động của các chủ thể khác, các chủ thể tác động lên nhau qua 3 phân ứng sau: tăng giảm giá cả, tăng giảm cung, cầu đến tất cả các tác động trên của các chủ thể kinh tế gọi là cơ chế thị trường

Ví dụ: về những nhà sản xuất tác động lên nhau qua cung của bản thân họ trong thị trường, đó là cách một cung tốt phủ định một cung xấu, chẳng hạn các Công ty dệt may của Việt Nam đang cạnh tranh với các hãng quần áo may sẵn và vải Trung Quốc, trong khi vải vóc của Trung Quốc được nhập vào Việt Nam một cách tràn lan kể cả nhập lậu, rất nhiều mặt hàng giá cả rất rẻ, và gian lận chất lượng thì các công ty dệt may của Việt Nam với các chiến lược sản xuất tối ưu, có hiệu quả như giảm giá thành Sản phẩm nâng cao chất lượng, mẫu mã, màu sắc đa dạng, chất liệu đẹp và xây dựng thương hiệu đã nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường nội địa đánh bật vải Trung Quốc. Như vậy nhà sản xuất đã dùng vải Việt Nam để phủ định vải Trung Quốc , đây là một sự tương tác của cơ chế thị trường thông qua cung.

Câu 41 . Khái quát các hình thức KTĐN? vai trò chức năng, tác dụng đặc thù của mỗi loại hình đó?

*Khái quát các hình thức KTĐN và vai trò, tác dụng của mỗi loại.

*Xuất nhập khẩu hàng hoá có hai loại Xuất nhập khẩu chính ngạch và tiểu ngạch

-Chính ngạch là hoạt động có giấy phép, có bản hiệu, có hợp đồng. còn tiểu ngạch là hoạt động ngoại thương dân cư, có tính tiểu thương cùng biên, do dân cư tiến hành

-Theo tính chất kinh tế, có Xuất nhập khẩu mậu dịch và phi mậu dịch

-Xuất nhập khẩu mậu dịch là hàng hoá qua biên giới theo con đường mua bán kinh doanh, phi mậu dịch là hàng hoá qua biên giới với tính chất mua để dùng, quà tặng.

-Theo phạm vi luân chuyển hàng hoá có, Xuất nhập khẩu qua biên giới và Xuất nhập khẩu tại chỗ, Xuất nhập khẩu là hành vi xuất hàng ra nước ngoài, Xuất nhập khẩu tại chỗ là hành vi bán hàng cho người nước ngoài tại nước mình nhưng theo giá xuất khẩu hoặc chế độ giá đặc thù.

+Vai trò, chức năng: thúc đẩy và bảo đảm cho chuyên môn hoá sản xuất của mỗi quốc gia có điều kiện đi sâu vào sản xuất

-Góp phần làm phong phú thị trường hàng hoá trong nước

-Góp phần tận thu các nguồn lợi quốc gia

-Góp phần kích thích sản xuất trong nước nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

*Xuất nhập khẩu tư bản: bắt nguồn từ sự nhàn rỗi về vốn tích lũy giữa các nước, qua đó các quốc gia có thể vay mượn nhau để thực hiện chu trình đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật của mình

-Sự phát triển không đồng đều về kinh tế giữa các nước, tạo nên tình trạng tách rời giữa vốn và lao động, nên các quốc gia có thể trao đổi..

-Sự phát triển không đồng đều về kinh tế giữa các nước, tạo nên những cùng thừa, thiếu đầu tư.

+Các hình thức xuất nhập khẩu tư bản:

-Gồm XNK TB gián tiếp và trực tiếp

-Xuất nhập khẩu TB gián tiếp là hình thức viện trợ hoặc cho vay như đầu tư không trực tiếp tiến hành và quản lý vốn mà chuyển quyền sử dụng cho nước ngoài và chờ hưởng lợi

Mục đích, vai trò của XNKTB gián tiếp: các nước cho vay với nhiều mục đích riêng về kinh tế ngoài mục đích kiếm lời, còn có các mục đích kinh tế khác, trong nhiều trường hợp đầu tư gián tiếp đóng vai trò tiền trạm cho đầu tư trực tiếp.

-XNKTB trực tiếp: đó là hình thức đầu tư của nhà tư bản ra nước ngoài, chủ tư bản trực tiếp quản lý và điều hành tại nước ngoài và thu lợi: (FDI). Đầu tư trực tiếp bao gồm các hình thức cụ thể. Đầu tư độc lập là tồn tại dưới dạng doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động trong khuôn khổ liên doanh, hợp tác...Hoặc tồn tại biệt lập trong khu đặc biệt, như khu công nghiệp, chế xuất,

quá cảnh...Hình thức hội nhập là hình thức theo đó vốn nước ngoài tham gia vào kinh tế nội địa theo hai hình thức, liên doanh với vốn của Nhà nước hoặc của công dân nước sở tại để thành công ty. Hợp tác kinh doanh là độc lập về vốn nhưng cùng tồn tại trong một chương trình nào đó

Vai trò: Hội nhập là hình thức đầu tư nước ngoài có nhiều lợi ích cho nước sở tại, nó đồng bộ hoá lực lượng kinh tế bản địa, giúp cho nền kinh tế bản địa tiếp cận trực tiếp với KHCN, quản lý sản xuất tiên tiến và qua đó nước sở tại cũng phát huy nội lực của mình.

Vai trò tác dụng của FDI: dù ở hình thức nào thì FDI cũng có tác dụng to lớn ở các mặt sau:

Tạo việc làm cho nước sở tại, khắc phục được tình trạng thất nghiệp hoặc dư thừa lao động, tránh tình trạng phải xuất khẩu lao động có nhiều rủi ro bất chắc. Tạo ra được môi trường trí tuệ công nghệ hiện đại cho việc đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Tạo ra được thị trường quốc tế ngay trong nước mình nhờ đó mà có cơ hội thực hiện xuất khẩu tại chỗ

FDI là nguồn nhập khẩu hàng hoá lợi giá cho miễn, giảm được nhiều khoản phụ phí ngoại thương, như FDI tồn tại dưới dạng biệt khu có tác dụng ngăn ngừa sự tiêu cực của nước ngoài vào bản địa, chính quyền sở tại dễ dàng quản lý hơn. còn ở các công ty liên doanh nước sở tại có thể thực hiện giám sát thường xuyên, trực tiếp các doanh nhân và học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ họ.

*Xuất nhập khẩu trí tuệ trong đó có

+Xuất nhập khẩu tri thức: là XNK tri thức dưới dạng các chuyên gia mang tri thức.

-Các hình thức xuất nhập khẩu tri thức gồm:

Xét theo chiều chuyển động của tri thức có: XNK tại chỗ là tiếp nhận học sinh, nghiên cứu sinh, nước ngoài đến nước mình để học tập. XNK qua biên giới, đó là hình thức đưa tri thức qua biên giới và bố trí sinh viên, học viên tiếp nhận tri thức.

-Xét theo phương thức truyền đạt tri thức có: XNK các nhà giáo theo đó các chuyên gia mang tri thức thực hiện chức năng nhà giáo

XNK các nhà tư vấn khoa học

-theo đó chuyên gia mang tri thức sẽ thực hiện chức năng tư vấn khoa học, kỹ thuật, XNK chuyên gia nghiên cứu trực tiếp. Theo đó các chuyên gia mang tri thức người sử dụng trực tiếp vào việc nghiên cứu và sau đó để lại kết quả cho nước sở tại.

-Vai trò, tác dụng của hình thức XNK tri thức: Đối với nước nhập khẩu, đây là hình thức nhập khẩu tri thức có hiệu quả cao, nhập khẩu tri thức tạo nên nguồn gốc sâu xa của tri thức và có hiệu quả lâu dài, Còn đối với nước xuất khẩu thì đây là con đường phục hưng đất nước và phát huy thế mạnh của mình

+XNK tri thức đó là hình thức XNK trong đó trí tuệ đã thoát ly khỏi khó nhọc để tồn tại dưới một dạng nào đó để chuyển tới người đọc, như sách giáo khoa các đồ án thiết kế, các băng đĩa ghi âm, ghi hình biểu đạt tri thức

-Vai trò, tác dụng: XNK tri thức là hình thức XNK trí tuệ quan trọng nhất vì khả năng quảng bá rộng lớn của chúng và những thuận lợi khác so với XNK tri thức, và đây cũng là hình thức chủ yếu trong XNK trí tuệ.

+XNK vật tư kỹ thuật là hình thức XNK trí tuệ, trong đó trí tuệ được thể hiện trên kỹ thuật, công nghệ và có khả năng tham gia vào công việc của con người.

-XNK gồm các hình thức:Vật liệu mới với các tính chất siêu tự nhiên và Nhiên liệu mới có nhiệt lượng cao.

-Nguồn năng lượng mới có tính chất siêu việt.

-Thiết bị công cụ mới, tính năng, tác dụng mới.

-Vai trò, tác dụng: Hình thức XNK này có vai trò to lớn đối với các nước chưa phát triển cao về kinh tế , khoa học và công nghệ, mặt khác đây cũng là hình thức có lợi cho các cường quốc công nghiệp phát triển .

+XNK công trình công nghiệp: đây là hình thức cao hơn của XNK vật tư kỹ thuật, ở hình thức này sản phẩm đã được lắp đặt, đồng bộ hoá, khiến nước nhập khẩu có thể sử dụng ngay công trình.

-XNK công trình công nghiệp gồm các hình thức:

BT là hình thức mua bán thông thường các công trình công nghệ.

BOT là sự mua bán gián đoạn, người bán không chuyển giao ngay mà khai thác sử dụng một thời gian và sau đó chuyển giao.

-BTO là sự mua bán có kèm theo sự cố vấn hậu mãi về kỹ thuật .

-Vai trò tác dụngXNK công trình công nghiệp: Trong thời đại ngày nay đây là hình thức XNK hết sức quan trọng, nó là hình thức kết hợp được cả hai quan hệ trao đổi trí tuệ và trao đổi tái bản.

XNK dịch vụ

+ Các hình thức dịch vụ quốc tế nhằm thu ngoại tệ, chủ yếu ở các lĩnh vực sau:

-Dịch vụ vận chuyển quốc tế

-Dịch vụ bảo hiểm quốc tế.

-Dịch vụ du lịch quốc tế

-Dịch vụ viễn thông quốc tế

-Dịch vụ ngoại hối quốc tế

-Dịch vụ ngoại hối.

-Dịch vụ xuất khẩu lao động.

+Vai trò tác dụng:

-Các dịch vụ này hỗ trợ tổng thể hoạt động KTĐN phát triển, mặt khác còn đem lại nguồn thu ngoại tệ rất lớn cho đất nước.

Câu 43: Các hình thức xuất nhập khẩu tư bản

*Xuất nhập khẩu tư bản: bắt nguồn từ sự nhàn rỗi về vốn tích lũy giữa các nước, qua đó các quốc gia có thể vay mượn nhau để thực hiện chu trình đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật của mình

-Sự phát triển không đồng đều về kinh tế giữa các nước, tạo nên tình trạng tách rời giữa vốn và lao động, nên các quốc gia có thể trao đổi..

-Sự phát triển không đồng đều về kinh tế giữa các nước, tạo nên những cùng thừa, thiếu đầu tư.

+Các hình thức xuất nhập khẩu tư bản:

-Gồm XNK TB gián tiếp và trực tiếp

-Xuất nhập khẩu TB gián tiếp là hình thức viện trợ hoặc cho vay như đầu tư không trực tiếp tiến hành và quản lý vốn mà chuyển quyền sử dụng cho nước ngoài và chờ hưởng lợi

Mục đích, vai trò của XNKTB gián tiếp: các nước cho vay với nhiều mục đích riêng về kinh tế ngoài mục đích kiếm lời, còn có các mục đích kinh tế khác, trong nhiều trường hợp đầu tư gián tiếp đóng vai trò tiền trạm cho đầu tư trực tiếp.

-XNKTB trực tiếp: đó là hình thức đầu tư của nhà tư bản ra nước ngoài, chủ tư bản trực tiếp quản lý và điều hành tại nước ngoài và thu lợi: (FDI). Đầu tư trực tiếp bao gồm các hình thức cụ thể. Đầu tư độc lập là tồn tại dưới dạng doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động trong khuôn khổ liên doanh, hợp tác...Hoặc tồn tại biệt lập trong khu đặc biệt, như khu công nghiệp, chế xuất, quá cảnh...Hình thức hội nhập là hình thức theo đó vốn nước ngoài tham gia vào kinh tế nội địa theo hai hình thức, liên doanh với vốn của Nhà nước hoặc của công dân nước sở tại để thành công ty. Hợp tác kinh doanh là độc lập về vốn nhưng cùng tồn tại trong một chương trình nào đó

Vai trò: Hội nhập là hình thức đầu tư nước ngoài có nhiều lợi ích cho nước sở tại, nó đồng bộ hoá lực lượng kinh tế bản địa, giúp cho nền kinh tế bản địa tiếp cận trực tiếp với KHCN, quản lý sản xuất tiên tiến và qua đó nước sở tại cũng phát huy nội lực của mình.

Vai trò tác dụng của FDI: dù ở hình thức nào thì FDI cũng có tác dụng to lớn ở các mặt sau:

Tạo việc làm cho nước sở tại, khắc phục được tình trạng thất nghiệp hoặc dư thừa lao động, tránh tình trạng phải xuất khẩu lao động có nhiều rủi ro bất chắc.

Tạo ra được môi trường trí tuệ công nghệ hiện đại cho việc đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Tạo ra được thị trường quốc tế ngay trong nước mình nhờ đó mà có cơ hội thực hiện xuất khẩu tại chỗ

FDI là nguồn nhập khẩu hàng hoá lợi giá cho miễn, giảm được nhiều khoản phụ phí ngoại thương, như FDI tồn tại dưới dạng biệt khu có tác dụng ngăn ngừa sự tiêu cực của nước ngoài vào bản địa, chính quyền sở tại dễ dàng quản lý hơn. còn ở các công ty liên doanh nước sở tại có thể thực hiện giám sát thường xuyên, trực tiếp các doanh nhân và học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ họ.

Câu 47: Các hình thức xuất nhập khẩu tri thức trí tuệ.

*Xuất nhập khẩu tri thức trong đó có

+Xuất nhập khẩu tri thức: là XNK tri thức dưới dạng các chuyên gia mang tri thức.

-Các hình thức xuất nhập khẩu tri thức gồm:

Xét theo chiều chuyển động của tri thức có: XNK tại chỗ là tiếp nhận học sinh, nghiên cứu sinh, nước ngoài đến nước mình để học tập. XNK qua biên giới, đó là hình thức đưa tri thức qua biên giới và bố trí sinh viên, học viên tiếp nhận tri thức.

-Xét theo phương thức truyền đạt tri thức có: XNK các nhà giáo theo đó các chuyên gia mang tri thức thực hiện chức năng nhà giáo

XNK các nhà tư vấn khoa học

-theo đó chuyên gia mang tri thức sẽ thực hiện chức năng tư vấn khoa học, kỹ thuật, XNK chuyên gia nghiên cứu trực tiếp. Theo đó các chuyên gia mang tri thức người sử dụng trực tiếp vào việc nghiên cứu và sau đó để lại kết quả cho nước sở tại.

-Vai trò, tác dụng của hình thức XNK tri thức: Đối với nước nhập khẩu, đây là hình thức nhập khẩu tri thức có hiệu quả cao, nhập khẩu tri thức tạo nên nguồn gốc sâu xa của tri thức và có hiệu quả lâu dài ,Còn đối với nước xuất khẩu thì đây là con đường phục hưng đất nước và phát huy thế mạnh của mình

+XNK tri thức đó là hình thức XNK trong đó tri thức đã thoát ly khỏi khó nhọc để tồn tại dưới một dạng nào đó để chuyển tới người đọc, như sách giáo khoa các đồ án thiết kế, các băng đĩa ghi âm, ghi hình biểu đạt tri thức

-Vai trò, tác dụng: XNK tri thức là hình thức XNK tri thức quan trọng nhất vì khả năng quảng bá rộng lớn của chúng và những thuận lợi khác so với XNK tri thức, và đây cũng là hình thức chủ yếu trong XNK tri thức.

+XNK vật tư kỹ thuật là hình thức XNK tri thức, trong đó tri thức được thể hiện trên kỹ thuật, công nghệ và có khả năng tham gia vào công việc của con người.

-XNK gồm các hình thức:Vật liệu mới với các tính chất siêu tự nhiên và Nhiên liệu mới có nhiệt lượng cao.

-Nguồn năng lượng mới có tính chất siêu việt.

-Thiết bị công cụ mới, tính năng, tác dụng mới.

-Vai trò, tác dụng: Hình thức XNK này có vai trò to lớn đối với các nước chưa phát triển cao về kinh tế, khoa học và công nghệ, mặt khác đây cũng là hình thức có lợi cho các cường quốc công nghiệp phát triển.

+XNK công trình công nghiệp: đây là hình thức cao hơn của XNK vật tư kỹ thuật, ở hình thức này sản phẩm đã được lắp đặt, đồng bộ hoá, khiến nước nhập khẩu có thể sử dụng ngay công trình.

-XNK công trình công nghiệp gồm các hình thức:

BT là hình thức mua bán thông thường các công trình công nghệ.

BOT là sự mua bán gián đoạn, người bán không chuyển giao ngay mà khai thác sử dụng một thời gian và sau đó chuyển giao.

-BTO là sự mua bán có kèm theo sự cố vấn hậu mãi về kỹ thuật.

-Vai trò tác dụng XNK công trình công nghiệp: Trong thời đại ngày nay đây là hình thức XNK hết sức quan trọng, nó là hình thức kết hợp được cả hai quan hệ trao đổi trí tuệ và trao đổi tái bản.

XNK dịch vụ

+ Các hình thức dịch vụ quốc tế nhằm thu ngoại tệ, chủ yếu ở các lĩnh vực sau:

-Dịch vụ vận chuyển quốc tế

-Dịch vụ bảo hiểm quốc tế.

-Dịch vụ du lịch quốc tế

-Dịch vụ viễn thông quốc tế

-Dịch vụ ngoại hối quốc tế

-Dịch vụ ngoại hối.

-Dịch vụ xuất khẩu lao động.

+Vai trò tác dụng:

-Các dịch vụ này hỗ trợ tổng thể hoạt động KTĐN phát triển, mặt khác còn đem lại nguồn thu ngoại tệ rất lớn cho đất nước.

Câu 49: Vai trò, tác dụng của mỗi hình thức XNK trí tuệ ở nước ta hình thức nào đang thịnh hành, tại sao nên phát triển hình thức nào nữa? tại sao.

#Vai trò, tác dụng:

-Vai trò, tác dụng của hình thức XNK tri thức: Đối với nước nhập khẩu, đây là hình thức nhập khẩu trí tuệ có hiệu quả cao, nhập khẩu trí tuệ tạo nên nguồn gốc

sâu sa của trí tuệ và có hiệu quả lâu dài ,Còn đối với nớc xuất khẩu thì đây là con đường phục hng đất nớc và phát huy thế mạnh của mình

-XNK tri thức là hình thức XNK trí tuệ quan trọng nhất vì khả năng quảng bá rộng lớn của chúng và những thuận lợi khác so với XNK tri thức, và đây cũng là hình thức chủ yếu trong XNK trí tuệ

-Hình thức XNK này có vai trò to lớn đối với các nớc cha phát triển cao về kinh tế , khoa học và công nghệ, mặt khác đây cũng là hình thức có lợi cho các công quốc công nghiệp phát triển .

-Vai trò tác dụngXNK công trình công nghiệp: Trong thời đại ngày nay đây là hình thức XNK hết sức quan trọng, nó là hình thức kết hợp đợc cả hai quan hệ trao đổi trí tuệ và trao đổi tái bản.

+ ở nước ta tất cả các hình thức XNK trí tuệ đều đang phát triển và thịnh hành, tất cả các hình thức này đều đã đem lại cho chúng ta rất nhiều lợi ích để phát triển kinh tế , tất cả chúng đều có các hình thức này. Chúng ta vừa XNK tri thức và tri thức đồng thời nhập khẩu các trang thiết bị vật tư và cả các công trình hiện đại để phát triển đất nước.

+ Chúng ta cùng nên phát triển đồng đều tất cả các hình thức, vì như đã phân tích ở trên hình thức nào cũng có vai trò và tác dụng của nó, như xuất nhập khẩu tri thức sẽ tạo điều kiện cho đất nước phát triển mạnh đội ngũ chuyên gia, nâng cao trình độ tri thức của đất nước, tạo điều kiện đưa học sinh, sinh viên đi học để tiếp thu kiến thức của nước ngoài và tạo nguồn lực mạnh cho đất nước. Mặt khác nước ta có nền khoa học công nghệ còn kém phát triển do vậy chúng ta phải nhập khẩu các loại trí tuệ này thì mới đảm bảo được tốc độ phát triển sản xuất so với các quốc gia khác. Vì vậy chúng ta nên phát triển đồng đều các loại hình và gia khác. Vì vậy chúng ta nên phát triển đồng đều các loại hình và tùy vào từng thời kỳ để phát huy các hình thức XNK.

Câu 44: Vai trò tác dụng và ưu nhược điểm của ODA và FDI.

#Vai trò, tác dụng của FDI

Vai trò tác dụng của FDI: dù ở hình thức nào thì FDI cũng có tác dụng to lớn ở các mặt sau:

Tạo việc làm cho nước sở tại, khắc phục được tình trạng thất nghiệp hoặc dư thừa lao động, tránh tình trạng phải xuất khẩu lao động có nhiều rủi ro bất chắc. Tạo ra được môi trường trí tuệ công nghệ hiện đại cho việc đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Tạo ra được thị trường quốc tế ngay trong nước mình nhờ đó mà có cơ hội thực hiện xuất khẩu tại chỗ

*Ưu nhược điểm của FDI .FDI là nguồn nhập khẩu hàng hoá lợi giá cho miễn, giảm được nhiều khoản phụ phí ngoại thương, như FDI tồn tại dưới dạng biệt khu có tác dụng ngăn ngừa sự tiêu cực của nước ngoài vào bản địa, chính quyền sở tại dễ dàng quản lý hơn. còn ở các công ty liên doan nước sở tại có thể thực

hiện giám sát thường xuyên, trực tiếp các doanh nhân và học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ họ.

Câu 45: Các hình thức cụ thể của FDI, vai trò tác dụng của mỗi loại, nước ta cần hình thức nào tại sao?

-XNKTB trực tiếp: đó là hình thức đầu tư của nhà tư bản ra nước ngoài, chủ tư bản trực tiếp quản lý và điều hành tại nước ngoài và thu lợi: (FDI). Đầu tư trực tiếp bao gồm các hình thức cụ thể. Đầu tư độc lập là tồn tại dưới dạng doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài hoạt động trong khuôn khổ liên doanh, hợp tác...Hoặc tồn tại biệt lập trong khu đặc biệt, như khu công nghiệp, chế xuất, quá cảnh...Hình thức hội nhập là hình thức theo đó vốn nước ngoài tham gia vào kinh tế nội địa theo hai hình thức, liên doanh với vốn của Nhà nước hoặc của công dân nước sở tại để thành công ty. Hợp tác kinh doanh là độc lập về vốn nhưng cùng tồn tại trong một chương trình nào đó

Vai trò: Hội nhập là hình thức đầu tư nước ngoài có nhiều lợi ích cho nước sở tại, nó đồng bộ hoá lực lượng kinh tế bản địa, giúp cho nền kinh tế bản địa tiếp cận trực tiếp với KHCN, quản lý sản xuất tiên tiến và qua đó nước sở tại cũng phát huy nội lực của mình.

Vai trò tác dụng của FDI: dù ở hình thức nào thì FDI cũng có tác dụng to lớn ở các mặt sau:

Tạo việc làm cho nước sở tại, khắc phục được tình trạng thất nghiệp hoặc dư thừa lao động, tránh tình trạng phải xuất khẩu lao động có nhiều rủi ro bất chắc. Tạo ra được môi trường trí tuệ công nghệ hiện đại cho việc đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Tạo ra được thị trường quốc tế ngay trong nước mình nhờ đó mà có cơ hội thực hiện xuất khẩu tại chỗ

FDI là nguồn nhập khẩu hàng hoá lợi giá cho miễn, giảm được nhiều khoản phụ phí ngoại thương, như FDI tồn tại dưới dạng biệt khu có tác dụng ngăn ngừa sự tiêu cực của nước ngoài vào bản địa, chính quyền sở tại dễ dàng quản lý hơn. còn ở các công ty liên doanh nước sở tại có thể thực hiện giám sát thường xuyên, trực tiếp các doanh nhân và học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ họ.

Câu 42: Lý do đặc thù khiến nước ta phát triển quan hệ quốc tế về kinh tế từ đó cho biết ở nước ta hình thức KTĐN nào là quan trọng nhất.

*Lý do chủ quan: Chúng ta phải nhanh chóng nâng cao mức sống của nhân dân sao cho bằng với mức sống chung với các nước trong khu vực và thế giới.

-Bên cạnh đó khả năng vốn đầu tư của nước ta so với các nước rất hạn chế, và lượng đầu tư thấp nên chúng ta không có điều kiện phát huy nội lực và giải quyết công ăn việc làm cho lao động, thì không nâng cao được đời sống nhân dân. Vì vậy CN phải phát triển KTĐN.

-Ngoài ra để hội nhập KTĐN, chúng ta phải có một sự phát triển KHCN nhất định để tạo ra lợi thế, nhưng nước ta còn rất kém về mặt này, nên cần bổ sung thiếu hụt này bằng con đường KTĐN..

*Lý do khách quan: Tình hình quốc tế cho phép nước ta mở cửa. Đó là sự giải toả thế đối đầu 2 phe, sự xích lại gần nhau giữa các quốc gia vì mục tiêu chung là phát triển kinh tế - xã hội .

-Việt Nam có tiềm năng về môi trường đầu tư, tiềm năng về tài nguyên, tiềm năng về du lịch, được nước ngoài và tổ chức quốc tế quan tâm.

-Do ưu đãi của thiên nhiên, Việt Nam có dư thừa một số mặt hàng và một số quốc gia có nhu cầu nhập khẩu như nông sản, hải sản, dầu thô, than đá.

*Từ 2 lý do khách quan và chủ quan trên thì đối với Việt Nam có 2 hình thức KTĐN được coi là quan trọng như sau:

-Từ lý do chủ quan thì với Việt Nam hình thức xuất nhập khẩu trí tuệ là quan trọng nhất mà trong đó cụ thể là xuất nhập khẩu trí tuệ là quan trọng nhất mà trong đó cụ thể là xuất nhập khẩu khoa học và công nghệ vì hiện nay chúng ta là một nước chậm phát triển, nền KHKT còn yếu kém không thể phát huy và khai thác được tiềm năng của đất nước vì vậy cần phát triển mạnh hình thức để xây dựng được cơ sở hạ tầng tốt cho KTĐN của Việt Nam .

-Từ lý do khách quan: Thì Việt Nam cần đẩy mạnh xuất nhập khẩu hàng hoá để khai thác trao đổi nguồn lợi thế của Việt Nam về tài nguyên thiên nhiên, tiềm năng du lịch....

Câu 46: Những nhân tố ảnh hưởng đến việc mở rộng quan hệ xuất nhập khẩu tư bản của mỗi nước ở nước ta, nhân tố nào là quan trọng nhất, tại sao?

*Những nhân tố ảnh hưởng đến việc mở rộng QH, xuất nhập khẩu tư bản.

Câu 50: Đối tượng, phạm vi quản lý Nhà nước đối với hoạt động XNK hàng hoá ? vì sao cần quản lý các mặt đó: Nhà nước ta đã quán xuyến các mặt đó trong hoạt động quản lý của mình như thế nào?

*Đối tượng, phạm vi quản lý Nhà nước : Nhà nước quản lý trên các mặt sau và vì sao.

+Nhà nước quản lý nội dung hàng hoá xuất khẩu, quyết định chủng loại, số lượng chất lượng hàng hoá XNK, đó chính là việc cho phép hay nghiêm cấm của Nhà nước đối với các loại hàng hoá XNK.

-Phải quản lý các mặt sau vì hàng hoá XNK có ý nghĩa kinh tế, văn hoá, y tế môi trường rất rõ rệt. Từng mức độ ảnh hưởng của từng loại hàng hoá XNK mà thái độ của Nhà nước có sự cứng rắn khác nhau, nhưng dù thế nào thì Nhà nước cần phải quan tâm đến nội dung XNK hàng hoá .

+Nhà nước quản lý việc chọn đối tác giao dịch thương mại của các doanh nhân Nhà nước, đó là vấn đề quan hệ với ai, mua của ai, bán cho ai.

+Nhà nước quan tâm tới lợi ích của Nhà nước qua các hoạt động ngoại thương, tức là Nhà nước quan tâm đến vấn đề : Nhà nước được gì qua hoạt động ngoại thương của công dân, đó là sự quan tâm của Nhà nước đối với những ảnh hưởng của các hoạt động ngoại thương cụ thể tới nền kinh tế quốc dân, tới sự phát triển xã hội nói chung, và nguồn thu ngân sách nói riêng.

*Nhà nước ta đã quán xuyến như sau: Nói chung trên 2 lĩnh vực này Nhà nước ta đã kiểm soát khá tốt lượng hàng hoá XNK qua biên giới Việt Nam mặc dù hiện nay tình trạng buôn lậu, trốn thuế vẫn còn đang diễn ra khá nhiều, nhưng về cơ bản, Nhà nước đã kiểm soát được về số lượng, chất lượng, chúng loại bỏ qua biên giới.

-Hiện nay cùng với việc mở rộng quan hệ quốc tế, thì Nhà nước ta cũng đang mở rộng quan hệ ĐN với tất cả các nước trên thế giới, Nhà nước ta đã ký nhiều hiệp định thương mại với nhiều nước trên thế giới và tham gia vào các cộng đồng, hiệp hội KT để tạo điều kiện cho Việt Nam hội nhập về KTThế giới.

-Trong tất cả các hoạt động ngoại thương, thì Nhà nước đều thu được một nguồn ngân sách lớn , và các lợi ích mà ngoại thương mang lại cho nền KTQD. Vì vậy , Nhà nước ta phải quản lý rất chặt chẽ hoạt động này để chống thất thu thuế chống lại những ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế trong nước. Hiện nay Nhà nước ta đang rất quan tâm quản lý lĩnh vực này.

Câu 53+54: Đối tượng, phạm vi, quản lý Nhà nước đối với hoạt động XNK hàng hoá ? Vì sao Nhà nước cần quản lý các mặt đó? Nhà nước ta đã quán xuyến các mặt đó trong hoạt động của mình như thế nào?

Trên 2 lĩnh vực này Nhà nước cần quản lý trên các lĩnh vực sau:

-Phương hướng XNK tư bản và trí tuệ, định hướng cho các chủ đầu tư các nhà hoạt động khoa học và công nghệ trong hoặc ngoài nước đầu tư hoặc chuyển giao tri thức vào những ngành nghề, địa bàn có lợi cho đất nước.

-Chất lượng đối tác đầu tư và chuyển giao KH của công dân nước mình. Vấn đề này cũng được đặt ra như trong quan hệ thương mại quốc tế.

-Trình độ Khoa học

-Công nghệ được xuất nhập khẩu. Đối với nước xuất khẩu Nhà nước quan tâm đến vấn đề này vì nó liên quan đến sự thay đổi tiềm lực kinh tế , khoa học công nghệ của đối phương, do đó Nhà nước không thể để cho trí tuệ và dòng đầu tư của nước mình chảy ra ngoài một cách tùy tiện mà phải có toan tính và giữ lợi thế nước nhà.

Đối với nước nhập khẩu, Nhà nước quan tâm đến vấn đề này vì nó liên quan mật thiết đến nền kinh tế nói riêng mà cả toàn xã hội nói chung khi tiếp nhận từ

nước ngoài một loại tri thức, một lượng vốn đầu tư thể hiện dưới dạng thiết bị, công nghệ sản xuất cụ thể.

-Các loại và mức độ ảnh hưởng văn hoá, xã hội, phát minh từ sự hiện diện kinh tế nước ngoài trên đất nước mình, các tác hại có thể xảy ra trong hoạt động của các doanh nghiệp nước ngoài trên đất nước nhà về mặt sử dụng lao động, tài nguyên, môi trường, an ninh chính trị văn hoá, trật tự an toàn xã hội khi trên nước mình có một hệ thống lực lượng kinh tế nước ngoài hoạt động.

*Nhà nước đã quán xuyến các hoạt động này như sau:

Trên thực tế Nhà nước ta cũng đã luôn làm tốt các công tác định hướng đầu tư cho các chủ đầu tư bằng các sử dụng khuyến khích đầu tư vào các vùng trọng điểm, quy hoạch, bằng các chính sách ưu đãi, và pháp luật về đầu tư nước ngoài.

-ở nước ta chủ yếu là nhập khẩu XHCN, nên Nhà nước ta rất quan tâm đến vấn đề này, nhằm đảm bảo cho các đơn vị nhập khẩu được những thiết bị công nghệ cao tránh tình trạng như những năm trước đây toàn nhập phải các công nghệ cũ, đã lạc hậu và gây ô nhiễm môi trường.

-Mặt khác Nhà nước ta cần phải quan tâm đến các vấn đề xã hội, môi trường khi tiếp nhận đầu tư và trí tuệ từ nước ngoài.

Câu 56: Khái niệm về đa phương hoá và đa dạng hoá trong phát triển QHQT

*Khái niệm đa dạng hoá HĐKT ĐN là mở rộng nội dung, tăng thêm nhiều hình thức KTĐN, từ chỗ chỉ đơn thuần là xuất nhập khẩu hàng hoá đến chỗ có cả các hoạt động XNK tư bản, tri thức, và dịch vụ trong mỗi hình thức tiến lại mở rộng chủng loại cụ thể hơn nữa.

+Nhiệm vụ về đa phương hoá các hoạt động KTĐN là quan hệ với nhiều quốc gia, có chế độ chính trị khác nhau, có thể mạnh kinh tế khác nhau trong nhiều việc hoặc trong cùng một việc.

Câu 57 Vì sao phải đa phương hoá, đa dạng hoá QHQT ? So với trước đổi mới thực tiễn QHKTQT của nước ta đã được đa dạng hoá và đa phương hoá như thế nào?

* Vì sao phải đa dạng hoá và đa phương hoá.

+Phải đa dạng hoá vì : Đây là điều mang tính quy luật, mang tính khách quan của quá trình phát triển, phát huy nội lực trong nước và khai thác các cơ hội, với sự toàn cầu hoá hiện nay không thể không đa dạng hoá các hoạt động KTĐN vì nếu không thì quốc gia sẽ bị tụt hậu so với các nước khác trên thế giới và sẽ không khai thác hết nội lực và tận dụng ngoại được.

+Phải đa phương hoá: Vì đây là giải pháp có nhiều ưu điểm cho nền kinh tế thế giới nhằm làm cho toàn bộ thị trường trên thế giới được cân bằng, mặt khác với tốc độ toàn cầu hoá như hiện nay chúng ta không thể chỉ có quan hệ kinh tế với

các thị trường truyền thống mà chúng ta phải mở rộng các loại thị trường khác để mở rộng xuất khẩu và phát triển hội nhập kinh tế .

So với đổi mới, thực tiễn QHKT đã được đa dạng hoá và đa phương hoá như sau: Trước đây hoạt động KTĐN của nước ta rất bó hẹp chỉ quan hệ với các nước trong phe XHCN và nước Nga, và một số thị trường truyền thống, mặt hàng xuất khẩu thì đơn giản, chỉ chủ yếu là hàng thô có giá trị thấp. Nhưng từ ngày đổi mới tới nay hoạt động XNK của chúng ta đã có nhiều đổi mới, thị trường xuất khẩu mở rộng sang các nước Tây Âu, Mỹ, Nhật Bản, các mặt hàng xuất khẩu cũng được mở rộng không chỉ xuất khẩu hàng thô mà đã nhập khẩu máy móc hiện đại vào chế biến các nông thủy sản trở thành hàng xuất khẩu mũi nhọn như tôm, cá đông lạnh dẹt may, da dầy, nông sản... Cán cân thương mại thì ngày càng cân bằng, và xuất khẩu đã đóng góp rất lớn vào ngân sách Nhà nước và giải quyết các vấn đề Xã hội .

Câu 64: Các bộ phận cấu thành dự án đầu tư và vai trò, công dụng của chúng.

Các bộ phận sau đây:

*Đặt vấn đề : Đây là phần nêu lên lý do đầu tư, lý do dẫn đến có dự án .

-Trong phần này người làm dự án phải nêu lên được nhu cầu xã hội về một loại sản phẩm , một loại dịch vụ hoặc một nhu cầu nào đó và tính cấp thiết không thể trì hoãn được việc đáp ứng nhu cầu đó.

-Đưa ra những giải pháp hiện có và những bất cập của các giải pháp đó.

-Tác dụng đưa lại nếu dự án được thực thi, những chỉ tiêu thể hiện mục đích, yêu cầu, mục tiêu mà dự án trao đổi.

+Vai trò và tác dụng của phần này: Qua phần này có thể trả lời cho câu hỏi có cần đầu tư hay không? Và đối với các dự án của Nhà nước đây là phần quan trọng, là căn cứ để xét duyệt dự án. Còn đối với các chủ đầu tư tư nhân thì đây là phần thăm dò cơ hội đầu tư, nội dung phần này quyết định tương lai, vận mệnh kinh tế của đồng vốn bỏ ra.

*Thiết kế công trình: Đây là phần thể hiện công trình vật chất, được tạo ra sau khi hoàn thành giai đoạn xây dựng cơ bản, thực chất đây là phần thiết kế kỹ thuật gồm:

-Bản vẽ phối cảnh công trình sẽ được xây dựng

-Sơ đồ tổng thể mặt bằng công trình sẽ được xây dựng

-Bản vẽ kỹ thuật, bản vẽ chi tiết đến thi công

+Vai trò, tác dụng: phần này sẽ mang đến cho chúng ta cái nhìn tổng quát về công trình sẽ được xây dựng .

*Bảng tổng hợp các chỉ tiêu kinh tế

-kỹ thuật của dự án.

+Phần này gồm: Các chỉ tiêu thể hiện kết quả xây dựng cơ bản, được thể hiện bằng danh từ, thuật ngữ, chỉ tiêu chuyên môn, đặc trưng cho từng đối tượng đầu tư.

-Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và chỉ tiêu hiệu quả kinh tế

-Ngoài ra trong loại chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong dự án còn cần nêu các chỉ tiêu liên quan đến lao động, tài chính,

+Vai trò, tác dụng của phần này: Phần này thường đề cập các vấn đề và giải pháp tương ứng cho các vấn đề sau đây:

-Nguồn vốn, đối với các dự án xin ngân sách Nhà nước phần này phải được lập kỹ để ngân sách có thể chấp nhận chi.

-Nguồn vốn, đối với các dự án xin ngân sách Nhà nước phần này phải được lập kỹ để ngân sách có thể chấp nhận chi.

-Nguồn tri thức trí tuệ thể hiện bằng kế hoạch mua sắm máy móc thiết bị, mời chuyên gia, kế hoạch hợp tác nghiên cứu.

-Giải pháp về nhân lực cho hoạt động của công trình đầu tư sau khi bước vào khai thác.

-Giải pháp đền bù thiệt hại, giải phóng mặt bằng

-Các giải pháp đặc thù khác, liên quan đến từng loại chuyên ngành

+Vai trò tác dụng: ở phần này sẽ thể hiện sự khả thi của từng dự án và đây cũng là một căn cứ quan trọng để một dự án được duyệt khi trình duyệt, trúng thầu khi đấu thầu

*Tổng tiến độ triển khai dự án: thực chất đây là kế hoạch thi công, do chủ dự án lập ra để làm cơ sở cho việc đàm phán với bên thi công. Nó bao gồm nội dung sau:

-Tiến độ chung hoàn thành các hạng mục công trình

-Trách nhiệm, nhiệm vụ phối hợp với cơ quan thi công của chủ đầu tư trong việc cung ứng thiết kế, mặt bằng, cung ứng vật liệu..

-Quyền hạn của chủ đầu tư trong việc giám sát thi công

-Chế độ nghiệm thu, thanh, quyết toán công trình..

Câu 63: Khái niệm về dự án đầu tư, các loại dự án đầu tư

*Khái niệm dự án đầu tư : là một dự định, hành động nào đó đã được lập thành phương án hành động cụ thể tới mức căn cứ vào đó hoặc chỉ cần dựa theo đó, dự định hành động sẽ thực thi một cách xuôn sẻ.

*Các loại dự án đầu tư: cũng được nhân loại giống đầu tư và vốn đầu tư.

+Xét theo hình thức biểu hiện - có vốn bằng tiền, vốn bằng vàng bạc, đá quý, vốn bằng tài nguyên, đất đai, phát minh sáng chế

+Xét theo vị trí của vốn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh

-Vốn cố định là vốn tạo ra tài sản cố định mà cụ thể là tạo ra tư liệu lao động, như thiết bị máy móc, nhà xưởng...

-Vốn lưu động là vốn tạo ra đối tượng lao động và sức lao động, đây là vốn dùng mua nguyên vật liệu để sản xuất

-Xét theo chức năng vốn trong kết cấu công trình xây dựng cơ bản thì có

-Vốn xây lắp dùng tạo nên phân nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc thiết bị.

-Vốn thiết bị là vốn dùng để mua thiết bị máy móc

-Vốn cơ bản khác là vốn để trang trải các khâu thiết kế, quản lý dự án

+Vốn xét theo nguồn gốc của vốn thì có

-Vốn của Nhà nước, của nhân dân, vốn của tổ chức

-Vốn trong nước, ngoài nước

+Xét theo phương thức sở hữu vốn:

-Vốn đầu tư có do tích lũy

-Vốn vay do đi vay mà có

-Vốn từ các nguồn khác

+Xét theo mục đích, tác dụng của đầu tư thì có:

-Đầu tư phát triển kinh tế, hoặc đầu tư có tính chất kinh doanh

-Đầu tư phúc lợi, đầu tư phát triển giáo dục, đầu tư phát triển y tế đầu tư phát triển khoa học

+Xét theo chủ thể đầu tư: là xét theo chủ của vốn đầu tư là tiêu chí có thể là đầu tư của Nhà nước, tổ chức chính trị

-xã hội, của tư nhân, của tập thể

+Căn cứ theo nguồn gốc của vốn thì có vốn trong nước và nước ngoài

+Căn cứ vào mức độ can thiệp của chủ đầu tư vào quá trình vận động của vốn đầu tư thì được chia thành đầu tư trực tiếp và gián tiếp

+Căn cứ vào thời hạn đầu tư thì có đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn

+Theo tính chất đầu tư thì phân thành:

-Đầu tư theo chiều rộng và thuần túy mở rộng cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có.

-Đầu tư theo chiều sâu là đầu tư kỹ thuật, công nghệ mới, nâng cao chất lượng cơ sở hiện có bằng việc sử dụng kỹ thuật và công nghệ mới

+Căn cứ vào tình thế đầu tư có:

-Đầu tư mang tính cưỡng bức là loại đầu tư do sự thúc ép của cầu, loại đầu tư này gắn liền với quy mô sản xuất nên thường được gọi là đầu tư theo chiều rộng.

-Đầu tư tự chủ là đầu tư khi nhà sản xuất quyết định thay mới dây chuyền công nghệ sản xuất thay cho dây chuyền cũ nhằm giảm chi phí sản xuất tăng chất lượng sản phẩm

+Căn cứ vào ý nghĩa của công trình đầu tư có:

-Đầu tư thông thường đó là đầu tư vào mục đích nằm ngay trong phạm vi dự án, gắn liền với lợi ích của chủ đầu tư

-Đầu tư phát triển là loại đầu tư có ý nghĩa sâu rộng và toàn bộ nền kinh tế quốc dân

kết luận Nói chung sự phân biệt trên chỉ có tính tương đối

Câu 65: Sự cần thiết của quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư không của Nhà nước, liên hệ thực tiễn

*Sự cần thiết:

-Các sản phẩm đầu tư nếu sai lầm sẽ rất khó sửa chữa: Các công trình đầu tư xây dựng cơ bản là một hoạt động đặc thù nếu sai lầm thì rất khó chữa, sản phẩm của xây dựng cơ bản thường là các công trình cố định bền lâu, có giá trị, do đó khi xây dựng cơ bản phải tính toán thận trọng để không xảy ra sơ xuất trong quyết định. Vì vậy quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư chính là quản lý từ trong ý đồ nhằm phát hiện sớm mọi đúng sai để giúp đỡ kịp thời cho cái tốt hình thành, cái xấu loại bỏ.

-Tầm quan trọng, ý nghĩa quyết định của đầu tư đối với sự nghiệp mỗi người. đầu tư xây dựng cơ bản thực chất là bước khởi đầu của công nghiệp, nó là phần lớn gia sản của công dân, đầu tư có ý nghĩa vô cùng to lớn trong sự nghiệp lập thân của mỗi người và vì mới đầu tư nên dễ bị sai lầm, vì vậy Nhà nước cần có sự quản lý của dự án đầu tư để tránh cho công dân các sai lầm.

-Tầm ảnh hưởng sâu rộng của đầu tư. Đầu tư kinh tế là xây dựng các cơ sở kinh tế mà mỗi cơ sở kinh tế ra đời tất có ảnh hưởng đến xã hội về mọi mặt như đầu ra của dự án (sản phẩm và chất thải) đầu vào của dự án là các yếu tố sản xuất. Và khi tiếp nhận các yếu tố trên sẽ đem lại lợi ích quốc gia do đó Nhà nước cần quản lý và đây chính là sự quản lý từ xa từ sớm để loại trừ tận gốc mọi hiểm họa cho quốc gia, cộng đồng

*Liên hệ thực tiễn: trên thực tế thì hiện nay Nhà nước ta đang cố gắng quản lý một cách tốt nhất tất cả các dự án mà trong đó có các dự án phi Nhà nước, đây là lĩnh vực rất khó vì các dự án này nhỏ bé không có một hệ thống nào cả nên rất khó khăn trong quản lý. Nhưng Nhà nước ta cũng đã cơ bản quản lý được các khâu duyệt dự án đầu tư và can thiệp kịp thời vào bước đầu của dự án, tránh được những rủi ro cho cả Nhà nước và công dân.

Câu 68 .Sự cần thiết của quản lý Nhà nước đối với các dự án đầu tư: vốn Nhà nước, sự cần thiết này ở nước ta như thế nào

-Nhà nước cần quản lý vì đây là các dự án lớn do vốn Nhà nước bỏ ra, chính vì thế mọi dự án quốc gia đều có một ban quản lý dự án kèm theo, các ban này có thể là lâm thời, hoặc kéo dài cùng với dự án, hay cùng quản lý nhiều dự án

-Nhưng đây không hẳn là QLNN về các dự án, mà các ban quản lý dự án này lại phải chịu quản lý của Nhà nước bởi vì

Ban quản lý dự án phải chuyển quản với tư cách là chủ đầu tư, họ là người đại diện cho Nhà nước về mặt vốn đầu tư, có sứ mạng làm cho vốn đó sớm biến thành mục tiêu đầu tư. Như vậy các ảnh hưởng khác không làm họ quan tâm, hoặc không có trách nhiệm hoặc không đủ khả năng quan tâm. Nếu không có sự quản lý của Nhà nước đối với các ban này thì trong khi họ theo đuổi mục đích chuyên ngành có thể sẽ làm tổn hại quốc gia ở các mặt khác mà họ không lường được học không quan tâm.

-Mặt khác, bản thân các ban QLDA cũng có thể thực hiện trọn vẹn trách nhiệm đại diện sở hữu vốn, từ đó sử dụng vốn sai mục đích, kém hiệu quả thậm chí tư lợi.

Sự cần thiết này ở nước ta là hết sức quan trọng và cần thiết vì hiện tại, nước ta đang trong giai đoạn xây dựng cơ sở hạ tầng cho nền kinh tế thị trường hiện đại vì vậy chúng ta đang thực hiện rất nhiều dự án, công trình lớn, vì vậy để đảm bảo cho các dự án này thành công, có hiệu quả sử dụng vốn và chống tham nhũng thì Nhà nước cần quản lý chặt chẽ các ban quản lý dự án. Mặt khác đây là các dự án vốn Nhà nước rất lớn và có ảnh hưởng sâu rộng đến nhiều lĩnh vực xã hội, nên Nhà nước cần quản lý tốt để đảm bảo cho các dự án này phù hợp với sự yêu cầu phát triển xã hội Việt nam hiện nay.

Tài liệu được đóng góp bởi thành viên Diễn đàn www.hanhchinhvn.com